



BẢO VỆ TRẺ EM TRONG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tài liệu hướng dẫn

Hà Nội, 2025

GIỚI THIỆU

Tài liệu hướng dẫn này được xây dựng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em (BVTE) và công tác phòng chống thiên tai (PCTT) nhằm giúp họ chủ động lồng ghép các vấn đề BVTE vào các hoạt động PCTT và biến đổi khí hậu (BĐKH) tại địa phương thông qua các hoạt động lập kế hoạch lồng ghép, triển khai, giám sát và đánh giá.

Trong các giai đoạn PCTT, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp về thiên tai (THKCTT), quyền của trẻ em - đặc biệt quyền được bảo vệ khỏi các bạo lực, xâm hại, bóc lột, bỏ rơi, bỏ mặc - có thể bị đe dọa nghiêm trọng. Trẻ em thường phải sơ tán cùng người lớn đến nơi tránh trú, trong khi nguồn cung hàng hóa và các dịch vụ thiết yếu bị gián đoạn, an ninh trật tự khó đảm bảo, và nguy cơ xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật, bạo lực gia tăng.

Chính phủ, các cơ quan và các tổ chức trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực PCTT và ứng phó khẩn cấp đều xác định trẻ em là nhóm dễ bị tổn thương, cần được ưu tiên bảo vệ. Các biện pháp BVTE cần được triển khai đồng bộ ngay từ giai đoạn phòng ngừa, đặc biệt trong THKCTT, nhằm bảo vệ tính mạng và đảm bảo cuộc sống an toàn cho trẻ.

Việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ các ban ngành liên quan về BVTE trong thiên tai và BĐKH là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Điều này giúp tăng cường khả năng phòng ngừa, phát hiện và ứng phó hiệu quả với các nguy cơ xâm hại trẻ em trong mọi giai đoạn của PCTT.

Tài liệu được phát triển dựa trên các văn bản qui phạm pháp luật, hướng dẫn trong nước và quốc tế về BVTE cũng như các nội dung trong Luật trẻ em 2016 và các Nghị định liên quan, Luật PCTT năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT năm 2020 và luật Phòng thủ dân sự thông qua ngày 20/6/2023.

Đối tượng sử dụng chính của tài liệu này là các tập huấn viên, chuyên gia, cán bộ làm việc trong lĩnh vực BVTE và PCTT. Ngoài ra, các cơ quan, ban ngành và tổ chức địa phương cũng có thể sử dụng tài liệu như một nguồn tham khảo trong quá trình triển khai hoạt động, góp phần BVTE trong bối cảnh thiên tai và BĐKH.

Tài liệu gồm 4 phần chính: i) Kiến thức chung, ii) Tác động của thiên tai và BĐKH đến trẻ em, iii) Các biện pháp BVTE trong thiên tai & BĐKH; iv) Xây dựng kế hoạch, giám sát và đánh giá công tác BVTE trong thiên tai và BĐKH.

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC KIẾN THỨC CHUNG.....	3
I. Một số thuật ngữ	4
II. Hệ thống bảo vệ trẻ em và Hệ thống phòng chống thiên tai.....	5
PHẦN 2. TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN TRẺ EM..	16
I. Tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đến trẻ em	16
II. Một số nguyên nhân	18
PHẦN 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM TRONG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	21
I. Bảo vệ trẻ em với Phòng ngừa thiên tai và BĐKH.....	21
II. Bảo vệ trẻ em trong giai đoạn Ứng phó với thiên tai thảm họa.....	25
III. Bảo vệ trẻ em với Khắc phục hậu quả sau thiên tai thảm họa	34
PHẦN 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BẢO VỆ TRẺ EM TRONG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....	39
I. Xây dựng kế hoạch bảo vệ trẻ em trong và thiên tai và biến đổi khí hậu.....	39
II. Giám sát và đánh giá công tác bảo vệ trẻ em	43

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
BCĐ	Ban chỉ đạo
BCH	Ban chỉ huy
BVTE	Bảo vệ trẻ em
DBTT	Dễ bị tổn thương
GNNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường
PCTT	Phòng chống thiên tai
PTDS	Phòng thủ dân sự
RRTT	Rủi ro thiên tai
RRTT-DVCĐ	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
TƯ'BĐKH	Thích ứng biến đổi khí hậu
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN 1. CÁC KIẾN THỨC CHUNG

I. Một số thuật ngữ

1. Giải thích từ ngữ ¹

Trong tài liệu này, các từ ngữ/khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em.

Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ Điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng.

Bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Các khái niệm về thiên tai và biến đổi khí hậu

Thiên tai: là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác. Luật số 60/2020/QH14 ban hành một số điều sửa đổi luật phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 và nâng các loại hình thiên tai từ 19 lên 22 loại hình thiên tai khác nhau.

¹ Điều 4, Luật trẻ em 2016

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên và/hoặc hoạt động của con người. BĐKH làm gia tăng tính cực đoan của thiên tai (có xu hướng xảy ra thường xuyên hơn, bất thường hơn với cường độ lớn hơn và phạm vi ảnh hưởng rộng, khó dự đoán hơn. gây nên những thiệt hại đáng kể cho các quốc gia.)

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Phòng chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai (*Khoản 3, Điều 3 Luật PCTT 2013*).

Tình trạng dễ bị tổn thương là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.

Đối tượng dễ bị tổn thương theo khoản 4 Điều 3 [Luật PCTT 2013](#) giải thích đối tượng dễ bị tổn thương bởi thiên tai là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Cụ thể, đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

Năng lực phòng chống thiên tai là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QLRRTDVCĐ) là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai và khí hậu, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Bảo vệ trẻ em trong thiên tai và biến đổi khí hậu: là thuật ngữ được sử dụng để mô tả những nỗ lực nhằm giải quyết các vấn đề về BVTE trong các tình huống mà thiên tai và BĐKH đe dọa đến sự an toàn, an ninh và hạnh phúc của trẻ em. Các biện pháp BVTE bao gồm phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp với tình trạng bạo lực, xâm hại, bỏ rơi, bỏ mặc, bóc lột trẻ em trước, trong và sau thiên tai.

Các hoạt động phòng ngừa thiên tai và BĐKH là các biện pháp chủ động nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai, bao gồm: xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao nhận thức cộng đồng, dự báo và cảnh báo sớm, quy hoạch sử dụng đất đai hợp lý và thực hiện các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Theo luật PCTT, các hoạt động phòng ngừa thiên tai bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

- b) Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.
- c) Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao.
- d) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.
- đ) Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình
- e) Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác (Các công trình này cần được kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai).
- f) Lập kế hoạch giải quyết, giúp đỡ các nhà ở chưa an toàn và kế hoạch trồng bổ sung, bảo vệ rừng ngập mặn.

Các hoạt động ứng phó thiên tai và BĐKH bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- a) Bảo vệ công trình PCTT và công trình trọng điểm (ví dụ: Đê, kè, cống, bờ bao, hồ, đập, hệ thống trạm bơm, kênh, mương tưới tiêu...);
- b) Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất; Lưu ý phương án cụ thể cho từng đối tượng dễ bị tổn thương, bảo đảm bình đẳng giới.
- c) Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- d) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- đ) Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- e) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động PCTT (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);
- f) Tổ chức truyền thông cộng đồng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- h) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

Các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai và BĐKH là các biện pháp giảm thiểu thiệt hại, tăng cường khả năng chống chịu, và phục hồi sau thiên tai. Các hoạt động này bao gồm:

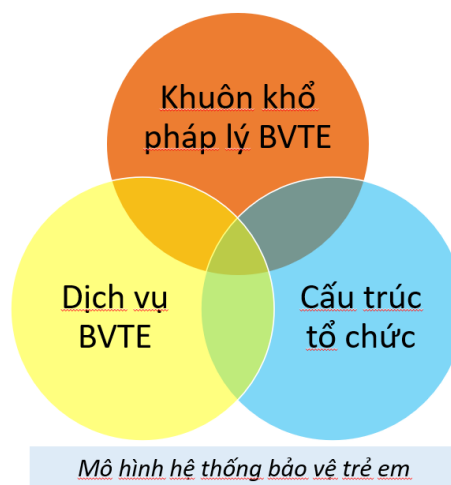
- a) Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;
- b) Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;

- c) Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;
- đ) Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
- d) Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;
- e) Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.
- f) Tiếp tục thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;
- g) Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- h) Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
- i) Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- j) Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.
- k) Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình nhà dân.

II. Hệ thống bảo vệ trẻ em và Hệ thống phòng chống thiên tai

1. Hệ thống bảo vệ trẻ em ở Việt Nam

Việt Nam đã hình thành và đang từng bước hoàn thiện hệ thống BVTE nhằm thực hiện trách nhiệm của nhà nước và xã hội trong việc đáp ứng kịp thời, có hiệu quả công tác BVTE, bao gồm: (i) Phòng ngừa các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; (ii) Phát hiện, hỗ trợ các trường hợp có nguy cơ bị tổn hại bởi các hành vi xâm hại có thể xảy ra với trẻ em; (iii) Can thiệp, trợ giúp và phục hồi trẻ em và gia đình bị tổn hại bởi các hành vi xâm hại. Hệ thống bảo vệ trẻ em có 3 hợp phần chính bao gồm: (i) Khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách; (ii) Dịch vụ BVTE; và (iii) Cấu trúc tổ chức và vai trò nhiệm vụ.



1.1 Khuôn khổ pháp lý, chính sách liên quan đến bảo vệ trẻ em:

Đây là một hợp phần quan trọng của hệ thống BVTE, là cơ sở và là điều kiện bắt buộc để thực hiện các hoạt động bảo vệ trẻ em. Khuôn khổ pháp lý bao gồm luật pháp quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật liên quan đến BVTE. Ngoài ra còn có các chương trình và chính sách xã hội nhằm hướng dẫn thực hiện và phân bổ nguồn lực để thực hiện các văn bản pháp luật.

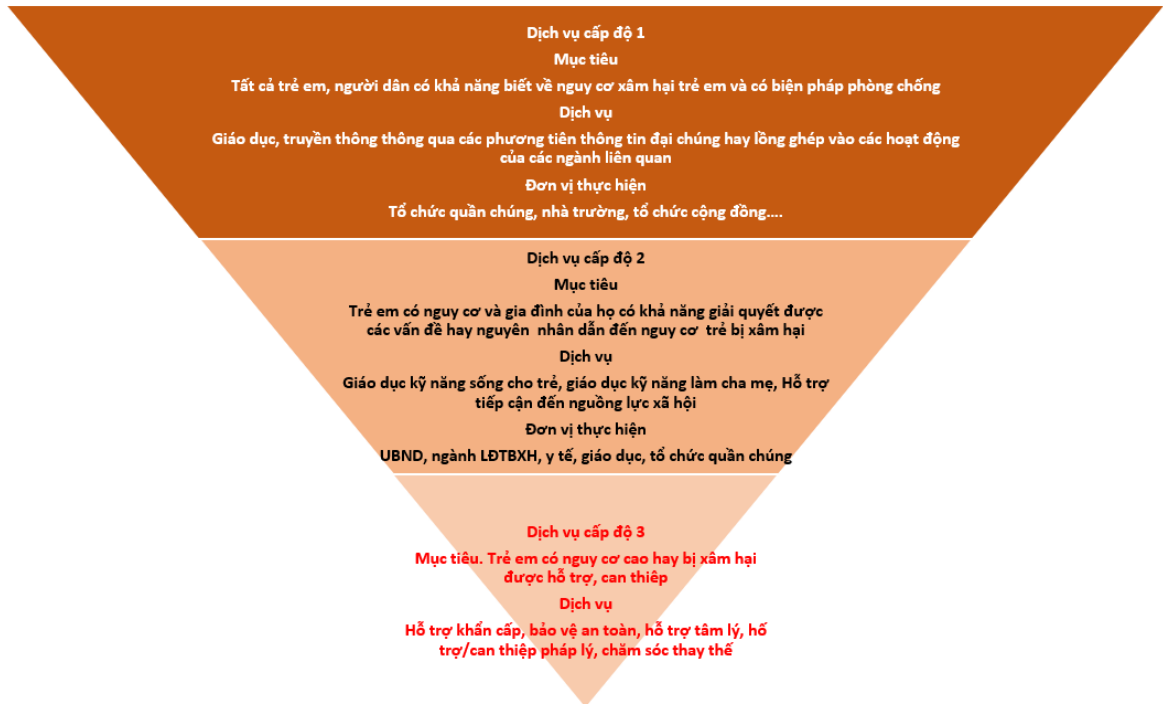
Luật pháp quốc gia: bao gồm các Bộ luật, luật liên quan đến BVTE, như: Luật trẻ em (2016); Bộ Luật hình sự (2015), Luật xử lý vi phạm hành chính (2012), Bộ Luật Dân sự (2015), Bộ Luật Tố tụng hình sự (2015), Bộ Luật Tố tụng dân sự (2015), Luật Hôn nhân và gia đình (2014), Bộ Luật Lao động (2019), Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2022) v.v.

Các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, bao gồm: Nghị định (ví dụ, Nghị định 56/2017/NĐ-CP, Nghị định 80/2017/NĐ-CP), thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn chi tiết thi hành luật.

Chính sách, chương trình trợ giúp xã hội đối với trẻ em, như: Chính sách và chương trình hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế; chính sách và chương trình trợ giúp giáo dục; chính sách về y tế, chỉnh hình, phục hồi chức năng; chính sách và chương trình hỗ trợ học nghề, tạo việc làm; chính sách và chương trình hỗ trợ gia đình trẻ em hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tổn thương trong thiên tai thảm họa; các chính sách và chương trình trợ giúp khác.

1.2 Dịch vụ bảo vệ trẻ em

Luật Trẻ em (2016) đã chia hệ thống dịch vụ BVTE ra làm ba cấp độ:



Cấp độ 1: phòng ngừa gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về BVTE, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Các dịch vụ cơ bản bao gồm tuyên truyền, cung cấp thông tin, giáo dục, trang bị kiến thức về BVTE, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại cho trẻ em

Cấp độ 2: hỗ trợ bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với nhóm trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em. Dịch vụ cấp độ 2 bao gồm: Tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ nguy cơ xâm hại trẻ em; tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy hại và áp dụng các biện pháp cần thiết để hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận đến các chính sách trợ giúp xã hội; hỗ trợ dạy nghề, tìm kiếm việc làm v.v.

Cấp độ 3: can thiệp bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại thêm; hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Các dịch vụ cơ bản bao gồm: Bảo vệ an toàn cho trẻ, bố trí nơi tạm trú; chăm sóc, điều trị y tế; tư vấn, tham vấn tâm lý; hỗ trợ pháp lý; chăm sóc thay thế; và các dịch vụ hỗ trợ đoàn tụ gia đình, hòa nhập cộng đồng.

1.3 Cấu trúc tổ chức và vai trò nhiệm vụ

1.3.1 Cấu trúc tổ chức và vai trò của các bộ ngành²

² Tổng hợp từ Luật trẻ em (2016) và các Quyết định, văn bản có liên quan

Bộ Y tế là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về chăm sóc & BVTE trẻ em³; Bộ có vai trò chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương để xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến bảo vệ trẻ em và thúc đẩy sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề liên quan đến các em. Đồng thời Bộ Y tế chỉ đạo và hỗ trợ các Sở/Phòng Y tế trong việc triển khai chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ trẻ em thông qua việc ban hành các hướng dẫn và tổ chức hoạt động tập huấn, nâng cao dựng năng lực.

Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan (như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Tư pháp) phối hợp với Bộ Y tế trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách, quy định về bảo vệ trẻ em. Các cơ quan này có trách nhiệm đảm bảo cơ chế phối hợp; lồng ghép các mục tiêu và chỉ tiêu về bảo vệ trẻ em vào vào kế hoạch phát triển ngành (dài hạn, trung hạn và hằng năm), đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất về công tác bảo vệ trẻ em tại các cấp.

Ủy ban Nhân dân (UBND) các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền. UBND có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình mục tiêu và chỉ tiêu về trẻ em; chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền trẻ em; bố trí và huy động nguồn lực để đảm bảo thực hiện quyền và BVTE theo quy định pháp luật; quản lý hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE và bố trí nhân sự phụ trách công tác BVTE tại địa phương.⁴

Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thực hiện các biện pháp tư pháp đối với trẻ em, bao gồm xét xử các hành vi vi phạm quyền trẻ em và xử lý các trường hợp trẻ em vi phạm pháp luật⁵.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện xã hội, tham vấn và kiến nghị với các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật, cũng như phân bổ nguồn lực nhằm đảm bảo quyền trẻ em; tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền trẻ em. Đồng thời, các tổ chức này cũng tham gia triển khai các chương trình, chính sách, kế hoạch, dịch vụ liên quan đến trẻ em⁶.

Các tổ chức xã hội và Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam có vai trò vận động thành viên và cộng đồng tham gia xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình và dịch vụ bảo vệ quyền trẻ em. Các tổ chức này cũng tham gia phòng ngừa các hành vi xâm hại trẻ em và cung cấp dịch vụ theo sự ủy quyền hoặc hỗ trợ từ Chính phủ⁷.

1.3.2 Ban điều hành và Ban bảo vệ trẻ em

Ban điều hành BVTE được thành lập ở cấp tỉnh và Ban BVTE ở cấp xã (sau đây gọi chung là Ban điều hành/Ban BVTE) là mô hình tổ chức có cấu trúc nhằm triển khai các hoạt động BVTE tại địa phương. Mỗi Ban điều hành/Ban BVTE đều có quy chế hoạt động riêng, trong đó quy định rõ vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên, cũng như cơ chế điều phối và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện các hoạt động BVTE.

³ Nghị định 42/2025/NĐ-CP

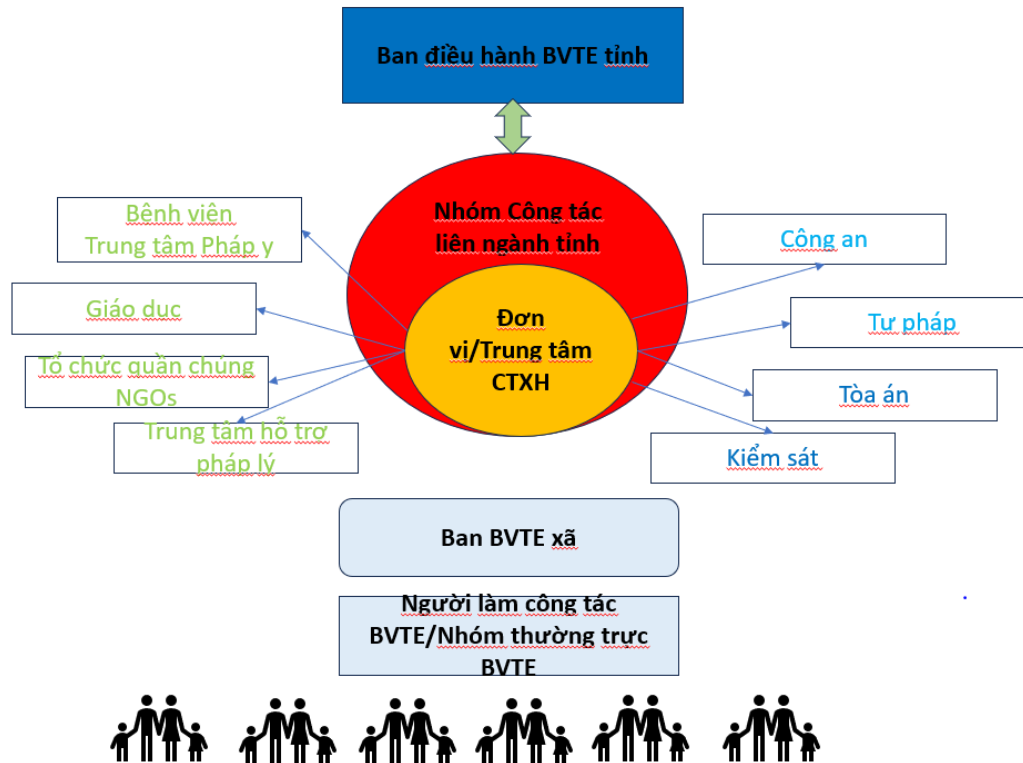
⁴ Điều 90, Luật trẻ em 2016

⁵ Điều 81, Luật trẻ em 2016

⁶ Điều 91, Luật trẻ em 2016

⁷ Điều 92, Luật trẻ em 2016

Dưới đây là sơ đồ của ban điều hành/ban bảo vệ trẻ em



Ban điều hành BVTE được thành lập ở cấp tỉnh/thành phố theo quyết định của UBND, có vai trò chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Nhóm công tác liên ngành và các đơn vị/Trung tâm CTXH tại địa phương.

Ban điều hành BVTE do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND làm Trưởng ban, với các thành viên là lãnh đạo các sở, ngành liên quan đến công tác BVTE. Ban hoạt động theo Quy chế phối hợp liên ngành do UBND cấp tỉnh ban hành, trong đó quy định rõ vai trò, nhiệm vụ của Ban và từng thành viên.

Nhiệm vụ chính của Ban điều hành BVTE bao gồm:

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách và các chương trình về bảo vệ trẻ em tại địa phương;
- Điều phối và huy động nguồn lực phục vụ công tác BVTE;
- Tiếp nhận và điều phối việc cung cấp dịch vụ BVTE đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP;
- Hỗ trợ kỹ thuật và giám sát hoạt động của Ban điều hành/Ban BVTE cấp xã trong việc triển khai các chương trình BVTE;
- Chỉ đạo các ngành thành viên thực hiện cung cấp dịch vụ BVTE theo quy trình thống nhất;
- Tham mưu cho UBND tỉnh và hỗ trợ các sở, ngành trong việc xây dựng kế hoạch BVTE cấp tỉnh;
- Báo cáo định kỳ và đột xuất cho UBND tỉnh và Bộ Y tế về tình hình và kết quả thực hiện công tác BVTE trên địa bàn.

Nhóm công tác liên ngành cấp tỉnh/thành phố được thành lập theo quyết định của UBND cấp tỉnh/thành phố. Nhóm do một lãnh đạo của Sở Y tế làm Trưởng nhóm. Thành viên bao gồm cán bộ, chuyên viên đến từ các sở, ngành có liên quan đến công tác BVTE.

Đặc biệt, Giám đốc Trung tâm hoặc đơn vị CTXH là thành viên chính thức của Nhóm Công tác liên ngành. Trung tâm/đơn vị CTXH đóng vai trò là đầu mối kết nối và điều phối các dịch vụ BVTE ở cấp tỉnh/thành phố khi có yêu cầu từ UBND xã.

Các thành viên trong Nhóm Công tác liên ngành có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm/đơn vị CTXH thông qua cơ chế phối hợp liên ngành và quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại hoặc có nguy cơ, theo quy định do UBND ban hành.

Nhiệm vụ chính của Nhóm công tác liên ngành bao gồm:

- Triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ BVTE phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng ngành/tổ chức
- Phối hợp thực hiện chuyên tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu BVTE của trẻ em và gia đình
- Tham mưu và phối hợp xây dựng kế hoạch BVTE cấp tỉnh/thành phố.
- Đề xuất xây dựng và thực hiện các thủ tục và chính sách BVTE phù hợp với thực tiễn địa phương.
- Báo cáo định kỳ cho Ban điều hành BVTE cấp tỉnh về tình hình trẻ em và kết quả thực hiện công tác BVTE theo quy định

Trung tâm/đơn vị công tác xã hội có thể trực thuộc Sở Y tế hoặc cơ sở Trợ giúp xã hội (TGXH). Trung tâm/đơn vị CTXH là thành viên của Nhóm công tác liên ngành, với vai trò kết nối các dịch vụ do các đơn vị trong Nhóm cung cấp cho trẻ em và gia đình. Đối với các cơ sở TGXH được giao thêm chức năng, nhiệm vụ về CTXH, họ sẽ đảm nhiệm việc cung cấp các dịch vụ CTXH tại cơ sở và trong cộng đồng, tập trung vào nhóm đối tượng yếu thế, đặc biệt là trẻ em. Trong khi đó, các Trung tâm CTXH hoạt động độc lập với cơ sở TGXH đang từng bước chuyên nghiệp hóa hệ thống cung cấp dịch vụ CTXH theo Nghị định 110/2024, thông qua đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp.

Nhiệm vụ cụ thể của các Trung tâm/đơn vị CTXH bao gồm:

- Phát hiện và tiếp nhận thông tin, thông báo về các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em; chuyển tiếp cho UBND xã để xử lý theo thẩm quyền.
- Phối hợp, hỗ trợ UBND xã thực hiện Quy trình Hỗ trợ, can thiệp theo quy định tại Nghị định 56/2017/NĐ-CP
- Cung cấp các dịch vụ BVTE phù hợp với chức năng, bao gồm: Chăm sóc/nuôi dưỡng tạm thời hoặc tập trung cho trẻ em bị thiếu hoặc mất môi trường gia đình; Tham vấn, trị liệu tâm lý cho trẻ em bị tổn thương do bạo lực, xâm hại; Tham vấn, hỗ trợ gia đình nhằm tăng cường năng lực chăm sóc, bảo vệ trẻ.
- Làm đầu mối kết nối chuyển gửi trẻ em đến các dịch vụ phù hợp khác trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Báo cáo cho Sở Y tế về kết quả can thiệp, trợ giúp các trường hợp trẻ em bị bạo hành, xâm hại, và các hoạt động BVTE khác do Trung tâm/đơn vị thực hiện.

Ban bảo vệ trẻ em cấp xã/phường được thành lập theo quyết định của UBND cấp xã/phường. Ban BVTE cấp xã/phường do Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Thành viên bao gồm công chức, viên chức và cộng tác viên tại địa phương. Công văn 4541/LĐT BXH đã hướng dẫn

cấp xã hình thành một nhóm Thường trực BVTE, gồm các thành viên nòng cốt như người làm công tác BVTE, công chức văn hóa xã hội, công an v.v. có nhiệm vụ ứng phó kịp thời các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trẻ em⁸.

Ban BVTE cấp xã/phường là đơn vị chịu trách nhiệm chính và cuối cùng đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn⁹. Ban vừa là nơi tiếp nhận thông tin, tố giác, vừa chủ động quản lý các trường hợp, đồng thời kết nối với Trung tâm/đơn vị CTXH để chuyển gửi trẻ đến các dịch vụ phù hợp ở tuyến tỉnh/thành phố khi cần thiết.:

Nhiệm vụ chính của Ban BVTE cấp xã/phường bao gồm:

- Thu thập số liệu về tình hình trẻ em trên địa bàn.
- Xây dựng kế hoạch bảo vệ trẻ em cấp xã/phường; triển khai các mục tiêu và nội dung của chương trình BVTE, bao gồm: Phòng ngừa các nguy cơ xâm hại, bạo lực trẻ em; Hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ; Thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
- Tiếp nhận, quản lý và cung cấp các dịch vụ BVTE cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại hoặc có nguy cơ theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP.
- Báo cáo định kỳ và đột xuất cho UBND xã và Ban điều hành Bảo vệ trẻ em cấp tỉnh/thành phố về tình hình trẻ em và kết quả thực hiện công tác BVTE.

2. Hệ thống phòng, chống thiên tai

2.1. Các văn bản qui phạm pháp luật PCTT tại Việt Nam

Các văn bản qui phạm pháp luật PCTT ở Việt Nam bao gồm các luật chính như **Luật PCTT số 33/2013/QH 13 và Luật PCTT số 60/2020/QH 14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thiên tai và Luật đê điều và Luật Phòng thủ dân sự (PTDS) năm 2023**

Luật PCTT quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân. Luật PTDS bổ sung các quy định về phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, trong đó bao gồm các sự cố, thảm họa do thiên tai gây ra. Hệ thống pháp luật phòng chống thiên tai ở Việt Nam được xây dựng và hoàn thiện nhằm nâng cao năng lực phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Luật PCTT (2013, sửa đổi, bổ sung năm 2020): Quy định về hoạt động phòng, chống thiên tai, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai, quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm việc thực hiện với mục tiêu giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nguyên tắc cơ bản PCTT do luật qui định

- Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.
- PCTT là trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức và cá nhân chủ động, cộng đồng giúp nhau.

⁸ Công văn 4541/LĐTĐBXH-TE, Hướng dẫn nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã

⁹ Luật trẻ em (2016)

- PCTT được thực hiện theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ.
- Lồng ghép nội dung PCTT trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.
- PCTT phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới.
- PCTT phải dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiên bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nội dung chính của luật PCTT

- Quy định về các hoạt động PCTT bao gồm các nhóm phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai
- Quy định về nguồn tài chính cho PCTT
- Quy định về nguồn nhân lực cho PCTT
- Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác PCTT
- Quy định về hợp tác quốc tế trong PCTT.
- Quy định về quản lý nhà nước trong PCTT

Luật Phòng thủ dân sự (PTDS) số 18/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/6/2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật này quy định về các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ người dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân với mục tiêu bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ công trình, cơ sở hạ tầng quan trọng trước các nguy cơ sự cố, thảm họa, trong đó có các sự cố, thảm họa do thiên tai gây ra.

Nội dung chính của luật PTDS

- Quy định về các biện pháp PTDS (phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả).
- Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng thủ dân sự.
- Quy định về huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực trong công tác phòng thủ dân sự.

Phạm vi của luật PTDS được áp dụng đối với tất cả các loại hình sự cố, thảm họa, bao gồm cả các sự cố, thảm họa do thiên tai gây ra.

2.2. Cấu trúc quản lý PCTT tại Việt Nam

Tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, Luật PTDS số 18/2023/QH15 đã được thông qua ngày 20/6/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Việc sửa đổi bổ sung những quy định của pháp luật có liên quan đến Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai bằng cách thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ huy PTDS quốc gia” và quy định về tổ chức Ban chỉ huy PTDS quốc gia có thể hiệu từ 01/7/2024, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai sẽ được thay thế bằng Ban chỉ huy PTDS quốc gia trên cơ sở tổ chức lại theo quy định của Luật PTDS, 2023. Ngày 9/7/2025, chính phủ đã ban hành nghị định số 200/2025/NĐ-CP, qui định một số điều chi tiết của luật PTDS, nêu rõ BCĐPTDS là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập,

làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có chức năng tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước.

Ban chỉ huy PTDS quốc gia có chức năng tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, Chiến lược phòng, chống thiên tai quốc gia, Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia; chính sách, pháp luật về phòng thủ dân sự; tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định ban bố, quyết định bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự; Tham mưu xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách, kiêm nhiệm bảo đảm cho hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trên phạm vi cả nước và sẵn sàng tham gia các hoạt động quốc tế hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa; Tham mưu huy động và điều phối lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trên phạm vi cả nước; Tham mưu hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương thực hiện các hoạt động phòng thủ dân sự.

Cục Cứu hộ - Cứu nạn thuộc Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam là cơ quan chuyên trách giúp việc cho Cơ quan thường trực và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có con dấu để hoạt động.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo về công tác phòng, chống thiên tai; sử dụng bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai hiện có trực thuộc Bộ để tham mưu giúp việc cho Bộ tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về công tác phòng, chống thiên tai và được cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

Ban chỉ huy PTDS địa phương được thành lập ở cấp xã và cấp tỉnh, có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về PTDS trên địa bàn quản lý. Cơ quan quân sự các cấp là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy PTDS cùng cấp. Thành viên Ban chỉ huy PTDS địa phương có trách nhiệm chủ trì tham mưu cho Ban chỉ huy trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về PTDS trong lĩnh vực được phân công.

Số điện thoại tiếp nhận thông tin và nội dung thông tin về sự cố, thảm họa

- Số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân. Tổng đài 112 được đặt tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh). Miễn phí cước gọi từ thuê bao điện thoại cố định, di động vào số điện thoại 112.

- Trục ban Tổng đài 112 nhận được thông tin về sự cố, thảm họa phải kịp thời báo cáo người trực chỉ huy Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

- Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh kịp thời thông báo cho cơ quan chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; đồng thời báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cùng cấp và Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

PHẦN 2. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI ĐẾN TRẺ EM

I. Tác động của thiên tai và BDKH đến trẻ em

1. Rủi ro về tai nạn thương tích

Trong thiên tai thảm họa, người lớn và trẻ em đều có thể bị tai nạn thương tích và bị khuyết tật. Ước tính cứ mỗi người tử vong trong trường hợp khẩn cấp thì có ba người bị thương hoặc bị thương tật¹⁰. Trong trận động đất năm 2010 ở Haiti, trong số 3 triệu người bị ảnh hưởng, có khoảng 200.000 người bị thương hoặc bị thương tật¹¹.

Các thảm họa thiên nhiên thường gây ra thiệt hại lớn về người, đặc biệt với phụ nữ và trẻ em. Trẻ em thường ít được chuẩn bị đối phó với bão, lũ lụt, không hiểu các dấu hiệu cảnh báo, thiếu khả năng đánh giá nguy cơ hoặc có ít kiến thức và kinh nghiệm ứng phó. Ở một số vùng, đặc biệt là vùng cao, phụ nữ và trẻ em gái không được khuyến khích hoặc không có cơ hội học bơi. Trong các trận lũ, lụt, trẻ em và phụ nữ dễ bị chết đuối, ngã, bị thương do không biết bơi.

Ngoài ra, trong thiên tai thảm họa, điều kiện sống thiếu thốn, không hợp vệ sinh, môi trường thể chất tồi tàn có thể gây những bệnh truyền nhiễm, suy dinh dưỡng cho trẻ em. Việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe bị gián đoạn còn làm tăng nguy cơ biến chứng cho cả bà mẹ và trẻ sơ sinh, khả năng gia tăng tử vong ở trẻ sơ sinh và tỷ lệ gặp khó khăn về phát triển. Tác động của thiên tai đến sức khỏe của trẻ em và thanh thiếu niên gây ra hậu quả cho sự phát triển thể chất, cảm xúc, xã hội và nhận thức của các em trong tương lai và về lâu dài.

2. Gia tăng tình trạng bạo lực, xâm hại và bóc lột trẻ em

Bạo lực, xâm hại và bóc lột trẻ em gia tăng khi hệ thống hỗ trợ của cộng đồng và gia đình bị suy yếu bởi thiên tai và BDKH. Đặc biệt, trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương bởi các dạng xâm hại tình dục, buôn bán, bắt cóc v.v. khi phải sơ tán, di dời mà không có cha mẹ/người chăm sóc đi cùng.

Tại các quốc gia như Lào, Indonesia và Philippines, bằng chứng cho thấy nguy cơ bạo lực tình dục và bạo lực giới tính gia tăng sau những thảm họa¹².

Một nghiên cứu khác tại Philippines cho thấy các cộng đồng dễ bị tổn thương hơn bởi những tác động của biến đổi khí hậu và trở thành mục tiêu của những kẻ buôn người cho mục đích lao động cưỡng bức, lao động trẻ em nguy hiểm, buôn bán tình dục, bóc lột tình dục trẻ em vì mục đích thương mại và bóc lột tình dục trẻ em trực tuyến¹³.

¹⁰ UNICEF, 2013, Tờ thông tin về trẻ em và thanh thiếu niên khuyết tật

¹¹ UNICEF, 2024, ASEAN Regional Guideline on SW and SSW in DRR & Climate Resilience (Trung tâm Từ thiện thiên tai (CDP) Người khuyết tật)

¹² IFRC, 2022, [The responsibility to prevent and respond to sexual and gender-based violence in disasters and crises](#), p.11.

¹³ Lippincott B, Human Trafficking and Climate Change: Understanding intersections and strengthening responses in the Philippines, 2023 Free the Slaves

Trẻ em phải chứng kiến bạo lực nhiều hơn và có thể là nạn nhân trực tiếp của các hành vi bạo lực gia đình gia tăng khi cuộc sống gia đình bị đảo lộn, vật chất bị tổn thất, cuộc sống của người chăm sóc bị áp lực do căng thẳng dữ dội, tỉ lệ cha mẹ sử dụng rượu gia tăng.

Tại Vanuatu, sau hai cơn bão năm 2011, số vụ bạo lực gia đình mới được báo cáo tại Trung tâm tư vấn phụ nữ Tanna đã tăng 300 phần trăm.¹⁴

Bất bình đẳng giới có thể trở nên trầm trọng hơn khi phụ nữ và trẻ em gái phải gánh trách nhiệm nặng nề trong việc chăm sóc gia đình và khôi phục lại cuộc sống ổn định. Nguy cơ bị bạo lực trên cơ sở giới cũng vì thế mà tăng cao. Nhiều nghiên cứu ghi nhận sự gia tăng về tình trạng và mức độ nghiêm trọng của bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm bạo lực tình dục và bạo lực thể chất, trong các cộng đồng phải hứng chịu tác động thiên tai. Trẻ em gái dễ bị bỏ rơi, bỏ mặc hơn trong điều kiện kinh tế suy giảm, tiếp cận hạn chế đến các dịch vụ thiết yếu thực phẩm, hàng cứu trợ, vật tư và cơ sở y sinh. Mặc dù nam giới cũng là nạn nhân của các dạng bạo lực này, nhưng nữ giới thường có xu hướng trở thành những nạn nhân nhiều hơn.

Ở Timor-Leste, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, cùng với sự khan hiếm nước, trẻ em và phụ nữ buộc phải đi xa hơn để kiếm thức ăn và nước uống, nguy cơ bạo lực và quấy rối tình dục ngày càng gia tăng¹⁵.

Nghiên cứu về bạo lực giới sau thảm họa ở Samoa cho thấy các bé gái có mối quan hệ mẹ con căng thẳng và ít được cha mẹ giám sát, có nguy cơ bị bạo lực đặc biệt cao. Ví dụ, một số bé gái được báo cáo là bị sai ra ngoài mua thuốc lá vào buổi tối mặc dù các em phải đi bộ xuyên qua những bụi rậm với ánh sáng yếu¹⁶.

Lao động trẻ em cũng là một hiện tượng thường xảy ra trong bối cảnh thiên tai. Khi kinh tế gia đình giảm sút, trẻ vị thành niên cần phải tham gia kiếm sống để giúp đỡ gia đình. Do thiếu kiến thức, kinh nghiệm về xã hội, trẻ dễ dàng phải đối mặt với những hình thức lao động mang tính bóc lột, phải làm những công việc nặng nhọc, độc hại với những thù lao thấp hơn. Lao động trẻ em còn cản trở việc học tập của trẻ em và ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tinh thần, và quá trình phát triển của trẻ. Các trẻ em còn có thể bị lôi cuốn vào làm các công việc bất hợp pháp như mua bán ma túy, mại dâm. Các em cũng có thể là đối tượng bị bóc lột tình dục và bị buôn bán.

Tại Campuchia, lao động trẻ em cao hơn đáng kể ở các làng xã chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, chẳng hạn như hạn hán, lũ lụt và mất mùa, vốn đang gia tăng về tần suất và cường độ do biến đổi khí hậu. Trong khi đó, tại Việt Nam, lượng mưa cao hơn mức trung bình thường khiến nhiều trẻ em tham gia lao động nông nghiệp hoặc dành nhiều thời gian hơn cho việc nhà.¹⁷

¹⁴ UNICEF, 2023, [Over the Tipping Point](#)

¹⁵ IFRC, 2022, [We need to do better: Climate related disasters and child protection in Southeast Asia](#)

¹⁶ IFRC, 2016, [Unseen, Unheard – Gender-Based Violence in Disasters. Asia Pacific Case studies](#), p.53

¹⁷ Trinh, T. at al., 2020, [Child Labor and Rainfall Deviation: Panel Data Evidence from Rural Vietnam](#)

Ngoài ra một bằng chứng khác từ Việt Nam cho thấy khi người trụ cột gia đình bị ốm và không có khả năng hoặc ít có khả năng làm việc, trẻ em thường phải gánh vác nhiều trách nhiệm hơn trong việc đảm bảo sinh kế cho gia đình.¹⁸

3. Tác động đến sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội

Thiên tai và BDKH có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tâm thần và trạng thái tâm lý xã hội của trẻ em, cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Trong các tình huống khẩn cấp, trẻ em có thể phải đối mặt với những trải nghiệm đau thương như mất người thân, mất nhà cửa, phải sơ tán, di dời đến nơi xa lạ, thiếu sự chăm sóc và hỗ trợ. Những trải nghiệm này có thể dẫn đến các biểu hiện như sợ hãi, lo âu, mất ngủ, bỏ ăn, hoặc mệt mỏi kéo dài. Ở một số trẻ, các tác động này có thể làm gián đoạn quá trình phát triển nhận thức, cảm xúc, xã hội và thể chất, để lại hậu quả lâu dài.

Cha mẹ, vốn đang chịu nhiều áp lực do tình huống thiên tai xảy ra, có thể không nhận ra hoặc hiểu sai phản ứng của trẻ, dẫn đến việc bỏ qua hoặc phủ nhận nhu cầu hỗ trợ tâm lý của con. Điều này khiến trẻ cảm thấy bị bỏ rơi, không được quan tâm và chăm sóc đúng mức.

Phần lớn trẻ em có khả năng phục hồi sau khủng hoảng nếu nhận được sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và cộng đồng. Tuy nhiên, một số trẻ cần được can thiệp chuyên sâu từ các chuyên gia tâm lý, thậm chí có thể cần điều trị bằng thuốc. Nếu các triệu chứng không được xử lý kịp thời, hoặc nếu trẻ phải sống trong điều kiện thiên tai kéo dài, hậu quả có thể trở nên nghiêm trọng hơn. Trẻ có thể lớn lên với cảm giác bất an, sợ hãi về những trải nghiệm tổn thương, mất niềm tin, thiếu gắn kết với gia đình và cộng đồng. Về lâu dài, các em có nguy cơ bị sang chấn tâm lý, trở nên lạnh lùng, thiếu cảm xúc và khó hòa nhập xã hội.

Theo UNICEF, từ 8% đến 29% trẻ em Việt Nam và vị thành niên có thể gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần, và tỷ lệ này có thể cao hơn ở vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Trẻ có vấn đề về SKTT & TLXH có thể có các biểu hiện như sợ hãi, thay đổi tính tình, dễ cáu bẳn, buồn bã, dễ bị kích động hoặc trầm lặng. Trẻ có thể gặp những rối loạn về ăn, ngủ, khó tập trung trong học tập và gặp khó khăn trong các mối quan hệ. Những trẻ đã có tiền sử hay căng thẳng, bất ổn tinh thần có nguy cơ bị rối loạn SKTT cao hơn sau thiên tai¹⁹.

Một nghiên cứu gần đây cho thấy Philippines có số lượng lớn những người trẻ tuổi có mức độ lo lắng cao về khí hậu và các cảm xúc tiêu cực khác (ví dụ: tức giận, tuyệt vọng, thất vọng, v.v.) liên quan đến khủng hoảng khí hậu²⁰. Bằng chứng mới nổi ở Úc cho thấy tỷ lệ thanh thiếu niên có ý định tự tử cao hơn vào những ngày nóng²¹.

II. Một số tình huống dẫn đến rủi ro về bảo vệ trẻ em

1. Vấn đề trong sơ tán

¹⁸ Mendolia, S. et al., 2019, [The Impact of Parental Illness on Children's Schooling and Labour Force Participation: Evidence from Vietnam](#).

¹⁹ <https://www.unicef.org/vietnam/vi/nh%E1%BB%AFng-c%C3%A2u-chuy%E1%BB%87n/b%E1%BB%91n-c%C3%A1ch-ch%C4%83m-s%C3%B3c-s%E1%BB%A9c-kh%E1%BB%8Fe-t%C3%A2m-th%E1%BA%A7n-cho-tr%E1%BA%BB-v%E1%BB%8B-th%C3%A0nh-ni%C3%AAn>

²⁰ [Climate anxiety in the Philippines: Current situation, potential pathways, and ways forward - ScienceDirect](#)

²¹ [Youth suicidality risk relative to ambient temperature and heatwaves across climate zones: A time series analysis of emergency department presentations in New South Wales, Australia - PMC](#)

Sơ tán thường được thực hiện trước khi thảm họa xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại về người. Tuy nhiên, nhiều trẻ em vẫn phải đối mặt với những thách thức khi phải rời khỏi nhà. Sơ tán hàng loạt có thể gây ra tình trạng hỗn loạn, điều kiện sống chật chội do có quá nhiều người ở đông đúc, thiếu vệ sinh và không có sự riêng tư. Những yếu tố này làm tăng nguy cơ trẻ em và phụ nữ bị bạo lực, xâm hại và bóc lột. Trong tình trạng bão lụt, việc mất điện, thiếu ánh sáng và không có khu sinh hoạt tách biệt cho nam và nữ càng làm gia tăng nguy cơ xâm hại tình dục và bạo lực giới, đặc biệt đối với trẻ em gái và phụ nữ.

2. Vấn đề về di dời

Di dời thường diễn ra trong các tình huống khẩn cấp như bão, lũ lụt. Khi đó chính quyền địa phương phải nhanh chóng di dời trẻ em đến nơi an toàn mà không có người chăm sóc đi kèm. Trẻ bị tách khỏi gia đình trong quá trình di dời, đặc biệt trong các tình huống không có kế hoạch trước, sẽ dễ bị tổn thương. Khi trẻ em phải ở lại một mình, không có sự giám sát của cha mẹ trong thời gian dài, trẻ phải đối mặt với nguy cơ cao bị bạo lực, xâm hại và bóc lột. Việc gián đoạn học tập và thay đổi môi trường sống cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ. Trẻ em khuyết tật có thể gặp khó khăn đặc biệt trong quá trình di dời do phụ thuộc vào thiết bị hỗ trợ và sự chăm sóc chuyên biệt.

3. Vấn đề về di cư

Biến đổi khí hậu ngày càng thúc đẩy các gia đình di cư để thích nghi, đặc biệt ở những khu vực như Đồng bằng sông Cửu Long – nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn làm tổn hại đến sinh kế vốn phụ thuộc vào nông nghiệp và nghề cá. Cha mẹ có thể di cư trước để tìm kiếm cơ hội sinh kế, để lại con cái không được chăm sóc đầy đủ. Một số trẻ em – đặc biệt là trẻ khuyết tật - có thể bị bỏ lại phía sau do không thể di chuyển cùng gia đình. Những trẻ này phải sống trong môi trường rủi ro cao, dễ bị tổn thương bởi thiên tai và BDKH.

Trẻ di cư cùng với gia đình cũng gặp nhiều rào cản như không có giấy khai sinh, không được tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục. Các em có thể phải lao động sớm để kiếm sống, phải đối mặt với nguy cơ bị bóc lột, bạo lực thể chất và tình dục. Di cư cũng gây căng thẳng cho gia đình, làm tăng nguy cơ bạo lực gia đình khiến trẻ phải chứng kiến hoặc trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình. Hơn nữa, trong môi trường mới, trẻ dễ bị bắt nạt, quấy rối hoặc bạo lực tại trường học, nơi công cộng hoặc trong cộng đồng.

4. Vấn đề ly tán gia đình

Thảm họa xảy ra có thể khiến trẻ em bị chia cắt khỏi gia đình do cha mẹ tử vong, bị thương, hoặc phải đi làm xa. Việc trẻ bị gửi cho ông bà hoặc người thân chăm sóc khi họ không có đủ năng lực bảo vệ có thể dẫn đến nguy cơ trẻ bị xâm hại, bạo lực, bóc lột hoặc bỏ rơi, bỏ mặc.

Ngoài ra, trẻ em mất cha mẹ hoặc bị thất lạc trong tình trạng hỗn loạn thường bị hoảng loạn, có cảm giác buồn, mất mát kéo dài, ảnh hưởng đến học tập và khả năng hòa nhập xã hội.

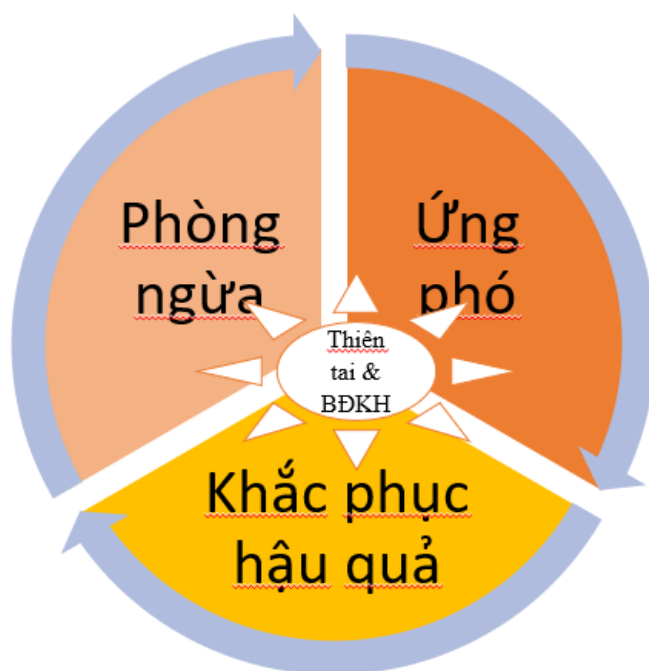
5. Vấn đề gián đoạn học tập

Khi trường học bị phá hủy do thiên tai, trẻ không được đến trường hoặc mất đi môi trường học tập an toàn và ổn định. Việc gián đoạn học tập làm xáo trộn thói quen, khiến trẻ cảm thấy hụt hẫng, hoang mang, lo sợ. Nếu phải ở nhà một mình, trẻ có nguy cơ bị bắt cóc, buôn bán hoặc xâm hại. Ngoài ra, việc tổ chức học tại các điểm trường tạm thời thường thiếu cơ sở vật chất, không đảm

bảo an toàn (ví dụ: thiếu nhà vệ sinh, không có hàng rào bảo vệ, nằm ở khu vực vắng vẻ), làm tăng nguy cơ bạo lực, xâm hại, bắt cóc, buôn bán trẻ em.

Thiệt hại kinh tế do thiên tai cũng khiến nhiều gia đình giảm chi tiêu cho giáo dục. Trẻ em mồ côi, khuyết tật hoặc sống trong hộ nghèo – đặc biệt là trẻ em gái – có nguy cơ phải bỏ học để lao động sớm, hỗ trợ kinh tế gia đình hoặc tự mưu sinh.

PHẦN 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM TRONG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Dưới đây là một số biện pháp bảo vệ trẻ em qua các giai đoạn Phòng ngừa, Ứng phó và Khắc phục hậu quả đối với thiên tai và BĐKH

I. Bảo vệ trẻ em với phòng ngừa thiên tai và BĐKH

1. Truyền thông lồng ghép nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em trong thiên tai và BĐKH

Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ trẻ em trong thiên tai và BĐKH. Các hoạt động truyền thông cần được lồng ghép vào hệ thống BVTE và phòng, chống thiên tai, với sự tham mưu và phối hợp của cán bộ BVTE cùng các đối tác liên quan.

Truyền thông có thể thực hiện qua nhiều hình thức:

- **Quy mô lớn:** đài phát thanh, truyền hình, báo chí, mạng xã hội (Facebook, Twitter, tin nhắn SMS).
- **Quy mô nhỏ:** loa phát thanh, tờ rơi, niêm yết tại nơi công cộng (nhà văn hóa, trạm y tế), truyền thông trực tiếp đến trẻ em và các hộ gia đình có trẻ em dễ bị tổn thương.

Các thông điệp và phương pháp truyền thông cho trẻ em cần phù hợp với độ tuổi, nhạy cảm về giới và văn hóa bản địa, cụ thể với từng loại thiên tai và BĐKH

Các buổi họp thôn, sinh hoạt của Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, trường học, không gian thân thiện với trẻ em, câu lạc bộ thể thao... là những cơ hội hiệu quả để truyền tải thông điệp phòng ngừa rủi

ro và hướng dẫn trẻ cách tự bảo vệ. Giáo viên đóng vai trò then chốt trong việc truyền thông, phát hiện nguy cơ và hỗ trợ trẻ.

Nội dung truyền thông bao gồm:

- Các rủi ro BVTE trong thiên tai và BDKH (tử vong, thương tích, lạc gia đình, xâm hại, bạo lực...).
- Tác hại của bạo lực, xâm hại trẻ em.
- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó.
- Vai trò của trẻ và gia đình trong phòng ngừa rủi ro.
- Địa chỉ tin cậy để tìm kiếm hỗ trợ và phối hợp với chính quyền.

Một số hoạt động cần thực hiện:

- Phân tích rủi ro BVTE trong thiên tai và BDKH.
- Xác định kênh và phương pháp truyền thông phù hợp.
- Thiết kế thông điệp dễ hiểu, nhạy cảm văn hóa, không phân biệt đối xử, tôn trọng hình ảnh trẻ em.
- Tập huấn/hướng dẫn cho người làm truyền thông về nguyên tắc BVTE và bảo mật thông tin.
- Phổ biến thông điệp đến cộng đồng, gia đình, trẻ em và chính quyền
- Tăng cường ứng dụng các kênh truyền thông số (mạng xã hội, fanpage của các tổ chức chính trị - xã hội, nhóm Zalo, podcast... dành cho phụ nữ và trẻ em)

2. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, gia đình và trẻ em

Trong quá trình triển khai các hoạt động BVTE và phòng ngừa thiên tai, BDKH ở các cấp, người làm công tác BVTE cần chủ động lồng ghép nội dung BVTE, đặc biệt khuyến khích sự tham gia của trẻ em, gia đình và cộng đồng. Các hoạt động BVTE lồng ghép này yêu cầu thực hiện theo một quá trình liên tục, luôn được cập nhật, điều chỉnh và xây dựng dựa trên những bài học kinh nghiệm thực tế của cộng đồng. Dưới đây là một số hoạt động có thể xem xét thực hiện:

a) Tham gia vào bảo vệ môi trường “Xanh”

Sự tham gia của cộng đồng và trẻ em trong bảo vệ môi trường và hệ sinh thái là yếu tố then chốt giúp xây dựng cộng đồng có khả năng phòng ngừa, ứng phó và phục hồi trước thiên tai và BDKH. Sự tham gia của trẻ em có thể đem lại những lợi ích:

- Nâng cao ý thức của trẻ về bảo vệ môi trường và thực hiện được những hành động cụ thể như trồng cây, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước, phân loại rác, sử dụng tài nguyên hiệu quả... Quá trình này còn giúp trẻ em phát triển kỹ năng, năng lực tự đối phó với các thách thức của thiên tai và BDKH như bão lụt, sạt lở đất

- Góp phần cải thiện môi trường ở trong nhà trường và cộng đồng do trẻ em có thể tham gia dọn vệ sinh, không xả rác...
- Truyền tải thông điệp về phòng ngừa thiên tai và bảo vệ trẻ em thông qua các hoạt động bảo vệ môi trường.
- Giúp các cơ quan xác định nhu cầu ưu tiên của trẻ em trong bối cảnh thiên tai, như cải thiện khu vui chơi, trường học, nơi ở an toàn.

b) Tham gia vào chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp

Gia đình và trẻ em cần được chuẩn bị để ứng phó với thiên tai, đặc biệt các gia đình có trẻ nhỏ, trẻ khuyết tật, trẻ em trong gia đình mà người nuôi dưỡng chính đã già yếu, tàn tật hoặc đơn thân. Các hoạt động cần thực hiện bao gồm:

- **Tìm hiểu nguy cơ thiên tai:** Cha mẹ tìm hiểu những loại thiên tai có thể xảy ra tại khu vực mà gia đình đang sinh sống và cùng trẻ thảo luận về các nguy cơ, phương án thoát hiểm và di dời, điều kiện tại nơi tạm trú.
- **Nhận biết dấu hiệu và phòng ngừa xâm hại:** Bản thân cha mẹ cần học cách nhận biết các dấu hiệu trẻ bị xâm hại, thảo luận với con về những rủi ro bị xâm hại, bạo lực trong trường hợp phải sơ tán, di dời và hướng dẫn trẻ kỹ năng tự bảo vệ, nhận biết hành vi nguy hiểm và cách tìm kiếm sự giúp đỡ.
- **Phòng ngừa thất lạc:** Cha mẹ chuẩn bị các kỹ năng chăm sóc, bảo vệ trẻ nhỏ trong quá trình sơ tán, di dời, ví dụ, dạy trẻ nhớ thông tin cá nhân, chuẩn bị thẻ tên, số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, thống nhất địa điểm gặp mặt trong trường hợp bị lạc nhau.
- **Ứng phó khi bị thất lạc:** Các thành viên trong gia đình trao đổi phương án ứng phó trong trường hợp có thể bị thất lạc: Thống nhất địa điểm gặp mặt; chuẩn bị “túi đồ dùng khẩn cấp”, bao gồm thực phẩm, thuốc men, bộ sơ cứu, đèn pin, nước dùng, áo phao ...
- **Sắp xếp sơ tán hợp lý:** Đảm bảo trẻ được đi cùng người chăm sóc, đặc biệt là trẻ nhỏ, trẻ khuyết tật.
- **Nhận biết nhu cầu hỗ trợ:** Cha mẹ và cán bộ cần biết cách phát hiện trẻ gặp vấn đề tâm lý và hỗ trợ kịp thời.
- **Trang bị kỹ năng cho trẻ:** Cung cấp thông tin cho trẻ em về các trường hợp khẩn cấp; thảo luận về các giải pháp phòng ngừa, ứng phó mà trẻ em có thể tham gia; hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ bản thân (học bơi, diễn tập các hoạt động sơ tán, di dời, tự lập kế hoạch và chuẩn bị các dụng cụ trong trường học khẩn cấp...).

3. Thu thập thông tin, dữ liệu về bảo vệ trẻ em

Thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến trẻ em là hoạt động cần được thực hiện thường xuyên, đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng ngừa và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch PCTT và bảo vệ trẻ em.

Người làm công tác bảo vệ trẻ em cần cập nhật thông tin về i) trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em trong các gia đình có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, ii) Liên quan đến tình trạng bạo

lực, xâm hại trẻ em và những rủi ro; iii) Liên quan đến rủi ro tác động của thảm họa đối với trẻ em.

Các nhóm thông tin cần thu thập:

i) Thông tin về hoàn cảnh trẻ em:

- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật...).
- Trẻ em sống trong hộ nghèo.
- Trẻ em sống trong gia đình có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc bị xâm hại.
- Trẻ được chăm sóc bởi ông bà, anh chị chưa thành niên.
- Trẻ có cha mẹ mắc bệnh hiểm nghèo hoặc khuyết tật nặng.
- Trẻ em bị mất tích

Các thông tin thu thập về trẻ em cần được phân tổ theo độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, tình trạng khuyết tật, mồ côi...

ii) Thông tin về bạo lực, xâm hại:

- Hình thức xâm hại trẻ đã trải qua.
- Mức độ tổn hại (cao, trung bình, thấp).
- Nguy cơ trẻ tiếp tục bị xâm hại.
- Đối tượng gây hại.
- Môi trường chăm sóc, bảo vệ trẻ.
- Nhu cầu hỗ trợ, can thiệp.

iii) Thông tin về rủi ro do thiên tai, thảm họa:

- Số trẻ bị tử vong, bị thương (phân theo giới tính, độ tuổi, khuyết tật, dân tộc, hoàn cảnh...).
- Các rủi ro trẻ có thể gặp (sức khỏe thể chất, tinh thần, học tập, môi trường sống, người chăm sóc).
- Nhu cầu hỗ trợ của trẻ.
- Biện pháp hỗ trợ phòng ngừa rủi ro cho trẻ và gia đình.

Các bước thực hiện thu thập thông tin:

- **Phát triển công cụ thu thập dữ liệu:** Phối hợp với y tế, công an, giáo viên để xây dựng bộ công cụ thống nhất.
- **Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu:** Đảm bảo các bên liên quan sử dụng biểu mẫu thống nhất và thu thập, cập nhật thông tin thường xuyên.

- **Xây dựng cơ sở dữ liệu:** Thiết kế hệ thống quản lý thông tin (ví dụ: cơ sở dữ liệu quản lý trường hợp) với sự hỗ trợ của chuyên gia Công nghệ thông tin. Người làm công tác BVTE phải xác định thông tin nào cần được lưu trữ và họ cần cơ sở dữ liệu tạo ra những báo cáo nào
- **Đào tạo cán bộ:** Hướng dẫn cách sử dụng cơ sở dữ liệu, tạo báo cáo, biểu đồ và thống kê.
- **Chia sẻ thông tin:** Cung cấp dữ liệu cho cán bộ quản lý và các bên liên quan, đảm bảo nguyên tắc bảo mật.

4. Tăng cường năng lực cho các tổ chức, cá nhân về bảo vệ trẻ em

Chất lượng dịch vụ BVTE phụ thuộc vào kiến thức, kỹ năng và sự tận tâm của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên. Những người làm công tác BVTE cần được trang bị đầy đủ năng lực chuyên môn, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai và BDKH. Họ cần được đào tạo để biết cách ứng phó ngay từ khi tình huống khẩn cấp bắt đầu.

Tại cấp xã, cần có đội ngũ sẵn sàng ứng phó, được tập huấn định kỳ để hiểu rõ vai trò, trách nhiệm và được trao quyền thực hiện nhiệm vụ. Nội dung đào tạo có thể bao gồm:

- Kỹ năng rà soát, phát hiện trẻ có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại trong thiên tai.
- Kỹ năng đánh giá nhanh và xây dựng phương án hành động khẩn cấp.
- Đánh giá tác động của thiên tai đến an toàn, nhu cầu của trẻ và lập kế hoạch hỗ trợ.
- Kết nối hệ thống hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt, ví dụ, không có người lớn đi kèm khi phải sơ tán, di dời.
- Tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho trẻ và gia đình bị ảnh hưởng.
- Kỹ năng hỗ trợ, bảo vệ trẻ em cụ thể theo từng tình huống thiên tai, BDKH.
- Làm việc nhóm, phối hợp trong bối cảnh khẩn cấp.
- Quy tắc ứng xử với trẻ, đặc biệt là trẻ bị tổn thương.
- Quy trình thông báo, tố giác các hành vi xâm hại, kể cả những người làm việc với trẻ khi có những hành vi vi phạm; Quy trình hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị hoặc có nguy cơ bị xâm hại (Quản lý trường hợp).
- Luật pháp, chính sách về BVTE và BVTE trong thiên tai ở cấp quốc gia và địa phương.

Sau đào tạo, cán bộ cần được giám sát, hỗ trợ thực hành để đảm bảo áp dụng hiệu quả trong thực tế. Hình thức đào tạo có thể đa dạng: Tập huấn, hội thảo, học qua thực hành. Việc đào tạo cần được thực hiện thường xuyên, vì khi khẩn cấp xảy ra thì đã quá muộn để bắt đầu đào tạo.

Ngoài ra, sức khỏe tinh thần của cán bộ BVTE cũng rất quan trọng. Họ thường làm việc trong điều kiện căng thẳng, kéo dài, dễ bị ảnh hưởng tâm lý như trầm cảm, lo âu, sang chấn. Do đó, họ cần được trang bị kỹ năng nhận biết dấu hiệu căng thẳng và biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần.

II. Bảo vệ trẻ em trong giai đoạn ứng phó với thiên tai thảm họa

1. Khảo sát nhanh tình hình trẻ em bị ảnh hưởng trong thiên tai thảm họa

Mục tiêu: Thu thập thông tin về mức độ tổn hại và nhu cầu của trẻ em sau thiên tai, từ đó xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp can thiệp ngắn hạn và định hướng dài hạn.

Thời điểm thực hiện: Lý tưởng là trong tuần đầu sau thảm họa nhằm hỗ trợ ứng phó kịp thời; báo cáo thường hoàn thành trong 2–3 tuần.

Nội dung khảo sát cơ bản:

- Quy mô thảm họa: Số lượng trẻ em/gia đình bị ảnh hưởng, địa điểm, mức độ ảnh hưởng, số trẻ em tử vong hoặc bị thương.
- Rủi ro trẻ em gặp phải: Các điểm không an toàn, thương tích, xâm hại, bắt cóc...
- Nhu cầu hỗ trợ: Về thể chất, tinh thần, học tập, xã hội...
- Biện pháp can thiệp: Các dịch vụ cần cung cấp.

Yêu cầu khảo sát:

- Khảo sát cần được thiết kế để không chỉ phục vụ ứng phó khẩn cấp mà còn cung cấp thông tin giúp củng cố hệ thống bảo vệ trẻ em lâu dài.

Các bước thực hiện khảo sát nhanh:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát: Xác định mục tiêu, phương pháp, nội dung, nhóm dễ bị tổn thương và cách thu thập thông tin. Xác định rõ thành phần thực hiện Khảo sát, bao gồm các cán bộ, chuyên gia, tổ chức quốc tế...
- Khảo sát thứ cấp: Thu thập dữ liệu từ tài liệu có sẵn trước và sau thảm họa.
- Thiết kế công cụ khảo sát thực địa: Biểu mẫu đơn giản, nhạy cảm với văn hóa và tình trạng dễ bị tổn thương của trẻ. Nêu rõ đối tượng cung cấp thông tin như giáo viên, trẻ em, người chăm sóc... đảm bảo cân bằng giới
- Tập huấn nhóm khảo sát: Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và kỹ thuật phỏng vấn.
- Thu thập dữ liệu thực địa: Thực hiện phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm tại cộng đồng.
- Phân tích dữ liệu và viết báo cáo: Tổng hợp phát hiện từ các dữ liệu thứ cấp và số liệu khảo sát, nêu rõ nhu cầu BVTE, đề xuất biện pháp ứng phó và liên kết với giai đoạn phục hồi.

Lưu ý về giới:

Cần tách biệt số liệu theo giới tính (trẻ em trai/gái bị ảnh hưởng). Thống kê trung tính về giới sẽ không phản ánh được nguyên nhân sâu xa và dẫn đến biện pháp ứng phó không phù hợp. Ví dụ: nếu trẻ em gái tử vong nhiều hơn do không biết bơi, cần tăng cường lớp học bơi cho trẻ em gái.

2. Thực hiện các biện pháp ứng phó khẩn cấp

Tổ chức sơ tán, di dời an toàn

Trong mọi tình huống thiên tai, ưu tiên hàng đầu là đảm bảo trẻ em và gia đình có nơi trú ẩn an toàn. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cần phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai và ban chỉ huy PTDS để:

- **Xác định nhu cầu sơ tán:** Lập danh sách trẻ em và gia đình dễ bị tổn thương (trẻ khuyết tật, cha mẹ đơn thân, trẻ không có người chăm sóc, trẻ có vấn đề sức khỏe hoặc có nhu cầu đặc biệt...).

- **Đảm bảo nơi trú ẩn an toàn:** Có nước sạch, thực phẩm, ánh sáng, nhà vệ sinh và nhà tắm riêng cho nam và nữ có khóa ở bên trong, khu ngủ tách biệt, không tách trẻ khỏi người chăm sóc.
- **Tham vấn cộng đồng:** Khuyến khích cộng đồng, đặc biệt là trẻ em, tham gia thiết kế nơi trú ẩn phù hợp với nhu cầu và văn hóa địa phương.
- **Ưu tiên tiếp cận dịch vụ:** Sắp xếp trẻ em và người chăm sóc ở gần các dịch vụ thiết yếu như y tế, trường học, điểm phân phối thực phẩm.
- **Giữ trẻ em bên gia đình:** Trẻ cần được đi cùng người thân hoặc người chăm sóc tin cậy.
- **Tổ chức sơ tán an toàn, trật tự:** Hạn chế trẻ bị thất lạc, kịp thời tìm kiếm và hỗ trợ trẻ bị lạc, đảm bảo phương tiện vận chuyển an toàn (có áo phao, sơ cứu...).

Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực, xâm hại trẻ em

Thiên tai có thể làm suy yếu hệ thống bảo vệ trẻ em, gia tăng nguy cơ trẻ bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, tảo hôn, lao động sớm, thất lạc hoặc bị bỏ rơi. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cần:

- **Tiếp cận cộng đồng:** Xác định trẻ có nguy cơ bị xâm hại, khảo sát điều kiện an toàn tại nơi sơ tán (ánh sáng, nhà vệ sinh riêng, khóa an toàn...).
- **Thăm hỏi trẻ đặc biệt:** Đánh giá nhu cầu và khả năng ứng phó của trẻ khuyết tật, trẻ mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ mồ côi...
- **Hướng dẫn phát hiện và báo cáo:** Tập huấn giáo viên, cán bộ y tế, tình nguyện viên về cách nhận biết và báo cáo các trường hợp nghi ngờ xâm hại.
- **Tiếp nhận và xử lý thông tin:** Phân tích nguy cơ, đề xuất biện pháp phòng ngừa và ứng phó phù hợp.
- **Phối hợp liên ngành:** Làm việc với cán bộ xã (y tế, công an, giáo viên...) để cung cấp dịch vụ hỗ trợ, quản lý trường hợp theo Nghị định 56/2017.
- **Hỗ trợ khẩn cấp:** Đảm bảo an toàn, nơi trú ẩn, thực phẩm, chăm sóc y tế cho trẻ bị tổn hại nghiêm trọng.

Quản lý trường hợp

Quản lý trường hợp là quy trình hỗ trợ và can thiệp đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại hoặc thuộc nhóm hoàn cảnh đặc biệt. Quy trình này do **nhóm liên ngành cấp xã/phường** thực hiện, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND xã/phường và điều phối bởi người làm công tác BVTE.

Mục tiêu: Đảm bảo an toàn, chăm sóc và hỗ trợ toàn diện cho trẻ, bao gồm tái hòa nhập gia đình hoặc sắp xếp chăm sóc thay thế khi cần thiết.

Quản lý trường hợp tạo điều kiện để các ngành như y tế, công an, giáo dục, tư pháp và các tổ chức đoàn thể phối hợp hiệu quả theo quy trình quy định tại **Nghị định 56/2017/NĐ-CP**. Khi vượt quá khả năng cấp xã, có thể kết nối lên cấp tỉnh với sự hỗ trợ của trung tâm công tác xã hội (nếu có).

Người làm công tác BVTE hỗ trợ tổ chức các **cuộc họp liên ngành (hội thảo ca)** định kỳ hoặc đột xuất, với sự tham gia của chuyên gia, trẻ em và gia đình (nếu phù hợp), nhằm đánh giá tình hình, xác định nhu cầu và phân công nhiệm vụ.

Quy trình quản lý trường hợp gồm 6 bước:



1. **Tiếp nhận và xử lý thông tin:** Tiếp nhận thông tin ban đầu về tình trạng của trẻ, hoàn cảnh gia đình và hỗ trợ mà trẻ đã nhận.

2. **Đánh giá nguy cơ ban đầu:** Xác định nhu cầu can thiệp khẩn cấp và đưa ra biện pháp bảo vệ an toàn nếu cần.

3. **Đánh giá nguy cơ cụ thể:** Phân tích toàn diện các vấn đề và nhu cầu của trẻ.

4. **Xây dựng kế hoạch hỗ trợ:** Đề xuất giải pháp và trình UBND xã phê duyệt (bao gồm cả việc tách trẻ

khỏi gia đình hoặc chuyển gửi lên cấp tỉnh).

5. **Thực hiện kế hoạch:** Cung cấp dịch vụ, kết nối hỗ trợ, cải thiện môi trường chăm sóc.

6. **Rà soát, đánh giá kết quả:** Đảm bảo chất lượng và hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ.

Chăm sóc sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội (SKTT & TLXH)

SKTT và TLXH là vấn đề xảy ra phổ biến trong các tình huống khẩn cấp. Một số nghiên cứu cho thấy chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ (3-5 phần trăm) trẻ em tiếp xúc với thảm họa mắc các rối loạn sức khỏe tâm thần nghiêm trọng cần can thiệp chuyên nghiệp²². Phần lớn trẻ em đều có khả năng phục hồi và hầu hết đều cần một mức độ can thiệp phi lâm sàng để ngăn ngừa chúng phát triển thành các tình trạng SKTT nghiêm trọng hơn. Các biện pháp can thiệp gần đây thường tập trung vào các rối loạn nghiêm trọng như trầm cảm hay rối loạn căng thẳng sau sang chấn.

Hỗ trợ SKTT & TLXH nên được triển khai theo **4 cấp độ** (theo mô hình kim tự tháp), với sự phối hợp giữa cán bộ BVTE, y tế và các bên liên quan:

²² UNICEF & Australian aid & Australian Government, 2015, Child Protection in emergency

1. Cấp độ cơ bản – Dịch vụ phổ quát, thường xuyên tại cộng đồng

- Đảm bảo an toàn, chăm sóc y tế, phúc lợi xã hội.
- Nâng cao nhận thức về SKTT & TLXH cho trẻ, gia đình và cộng đồng.
- Tăng cường năng lực cộng đồng để phòng ngừa các vấn đề tâm lý.

2. Cấp độ hỗ trợ sau thiên tai

- Tích hợp hỗ trợ SKTT và TLXH vào các hoạt động cứu trợ (tiền mặt, thực phẩm, nước sạch, nơi ở...).
- Khôi phục dịch vụ chăm sóc trẻ em, mở lại trường học và cơ sở trông giữ trẻ càng sớm càng tốt.
- Tổ chức các không gian an toàn, linh hoạt cho trẻ nhỏ và trẻ khuyết tật, giúp duy trì thói quen và cảm giác ổn định.

3. Cấp độ hỗ trợ tập trung, không chuyên biệt

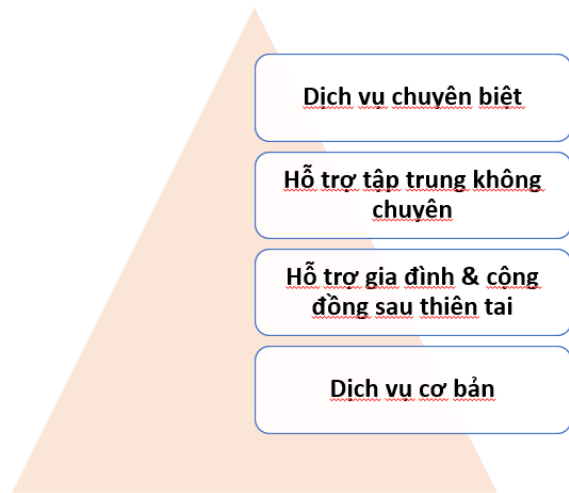
- Tham vấn, tư vấn tâm lý cho trẻ có dấu hiệu căng thẳng.
- Hướng dẫn trẻ kỹ năng ứng phó, suy nghĩ tích cực, hành vi lành mạnh.
- Hỗ trợ gia đình cách giúp trẻ, giao tiếp tích cực với trẻ, khuyến khích trẻ lớn tham gia việc nhà để tăng cảm giác có ích và kết nối.
- Tổ chức các hoạt động xã hội như kể chuyện, múa rối, ca nhạc, trò chơi tại trường và cộng đồng.

4. Cấp độ chuyên biệt

- Kết nối, giới thiệu trẻ và gia đình đến các cơ sở chăm sóc SKTT, tham vấn, trị liệu tâm lý chuyên biệt cho những trẻ bị tổn thương nghiêm trọng về mặt tâm lý (rối loạn căng thẳng, rối loạn căng thẳng hậu sang chấn, lo lắng cao độ, hoảng loạn...)
- Cung cấp những thông tin cần thiết về tình trạng của trẻ cũng như môi trường chăm sóc trẻ cho các bác sỹ và chuyên gia về SKTT và tâm lý để hỗ trợ quá trình ra quyết định điều trị
- Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em tuân thủ liệu trình trị liệu của bác sỹ và các chuyên gia

Chăm sóc thay thế cho trẻ mồ côi và trẻ bị ly tán gia đình

Trong thiên tai và biến đổi khí hậu, nhiều trẻ em có thể bị mồ côi, thất lạc hoặc bị bỏ rơi. Những trẻ này cần được chăm sóc thay thế để đảm bảo được sống trong môi trường an toàn, yêu thương và phát triển toàn diện.



Chăm sóc thay thế là hình thức chăm sóc dành cho trẻ không còn được cha mẹ hoặc người chăm sóc trong gia đình ruột thịt nuôi dưỡng. Hình thức này có thể là:

- **Chính thức:** Được UBND cấp xã hoặc tòa án phê duyệt.
- **Không chính thức:** Do gia đình tự sắp xếp (ví dụ: gửi trẻ cho họ hàng, bạn bè) nhưng chưa được công nhận chính thức.

Cần ưu tiên lựa chọn chăm sóc thay thế dựa vào gia đình để giảm thiểu tác động tâm lý cho trẻ.

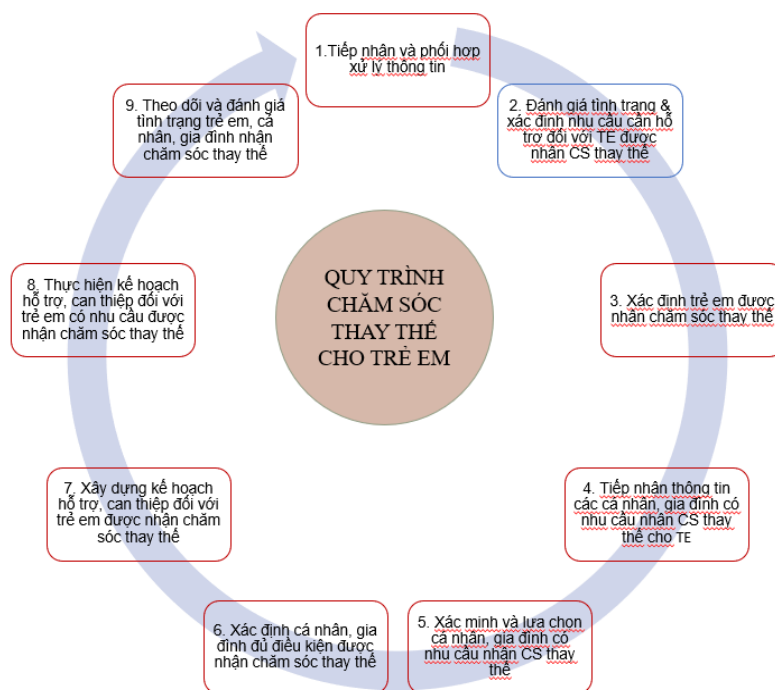
Trách nhiệm và quy trình thực hiện

UBND và người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm triển khai chăm sóc thay thế khẩn cấp trong vòng **12 giờ** kể từ khi tiếp nhận thông tin. Hình thức chăm sóc tạm thời có thể kéo dài **tối đa 15 ngày**²³, sau đó cần đánh giá lại để quyết định tiếp tục, chấm dứt hoặc chuyển đổi hình thức chăm sóc.

Các bước thực hiện chăm sóc thay thế:

1. **Tiếp nhận và phối hợp xử lý thông tin:** Người làm công tác BVTE tiếp nhận trường hợp và phối hợp với các bên liên quan để thu thập thông tin về hoàn cảnh trẻ; lập danh sách trẻ cần chăm sóc thay thế trình UBND xã phê duyệt.
2. **Đánh giá tình trạng và xác định nhu cầu:** Phối hợp với các chuyên gia (y tế, giáo dục, tư pháp, công an...) để đánh giá tình trạng của trẻ, điều kiện chăm sóc hiện tại trong gia đình để xem môi trường gia đình ruột có đủ khả năng chăm sóc và bảo vệ trẻ phù hợp hay không.
3. **Xác định trẻ em cần được chăm sóc thay thế:** Dựa trên kết quả đánh giá, lập hồ sơ đối tượng trẻ em cần được chăm sóc thay thế, đề xuất hình thức chăm sóc thay thế theo thứ tự ưu tiên:

- Người thân thích.
- Cá nhân/gia đình không thân thích nhưng cùng địa phương.



²³ Điều 32, Khoản 2, Nghị định 56/2017

- Cơ sở chăm sóc tập trung (chỉ áp dụng khi không còn lựa chọn khác).

- 4. Tiếp nhận thông tin cá nhân/gia đình** có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế
- 5. Lựa chọn cá nhân/gia đình** có nhu cầu nhận chăm sóc thay thế và lập danh sách trình UBND xã
- 6. Xác định năng lực và điều kiện của cá nhân/gia đình** nhận chăm sóc thay thế; kiểm tra lý lịch tư pháp để đảm bảo không có tiền án liên quan đến xâm hại trẻ em.
- 7. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ:** Lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ và trình UBND xã phê duyệt.
- 8. Thực hiện chăm sóc và hỗ trợ:** Ghép trẻ với gia đình chăm sóc thay thế, đảm bảo trẻ được tiếp tục học tập, chăm sóc y tế và các dịch vụ cần thiết. Đối với trẻ bị thất lạc, phối hợp tìm kiếm và kết nối lại với gia đình.
- 9. Theo dõi và đánh giá:** Theo dõi liên tục quá trình chăm sóc sau khi trẻ em được nhận chăm sóc thay thế. Đánh giá khi kết thúc thời gian chăm sóc để đưa ra quyết định tiếp tục, chấm dứt hoặc chuyển đổi hình thức chăm sóc phù hợp.

Tăng cường vai trò của cha mẹ trong ứng phó khẩn cấp

Người làm công tác BVTE cần hướng dẫn cha mẹ phối hợp với Ban BVTE và Ban Chỉ huy PTDS để thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em trong thiên tai, bao gồm:

- **Đảm bảo sơ tán an toàn:** Đưa trẻ đến nơi sơ tán an toàn, kiểm tra và báo cáo các nguy cơ mất an toàn (như thiếu nhà vệ sinh riêng cho nam/nữ); phối hợp cải thiện điều kiện cần thiết đảm bảo an toàn cho trẻ; hướng dẫn gia đình và cộng đồng giám sát các khu vực nguy hiểm.
- **Trang bị kỹ năng phòng tránh xâm hại:** Hướng dẫn trẻ không đi một mình đến nơi vắng vẻ, biết nói “không” với hành vi xâm hại, báo cho người lớn hoặc cán bộ BVTE khi gặp tình huống bất thường.
- **Xử lý khi trẻ bị thất lạc hoặc bị thương:** Giúp gia đình giữ bình tĩnh, phối hợp tìm kiếm, sơ cứu kịp thời nếu trẻ bị thương.
- **Hướng dẫn trú ẩn an toàn tại nhà:** Nếu không sơ tán, hướng dẫn trẻ đến nơi cao ráo, tránh không gian kín như góc xếp đồ phòng nguy cơ bị kẹt khi nước dâng.
- **Phòng tránh tai nạn điện:** Đặt ổ điện, dây dẫn ở vị trí cao; lắp thiết bị chống rò điện; ngắt điện khi nhà bị ngập hoặc sàn ướt.
- **Phòng tránh đuối nước và sạt lở:** Dạy trẻ nhận biết dấu hiệu lũ lụt, sạt lở (cây nghiêng, nứt đất, nước đục, âm thanh lạ...), chỉ cho trẻ nơi trú ẩn an toàn và cách rời khỏi vùng nguy hiểm khi có dấu hiệu bất thường.

3. Lòng ghép BVTE trong các lĩnh vực liên quan

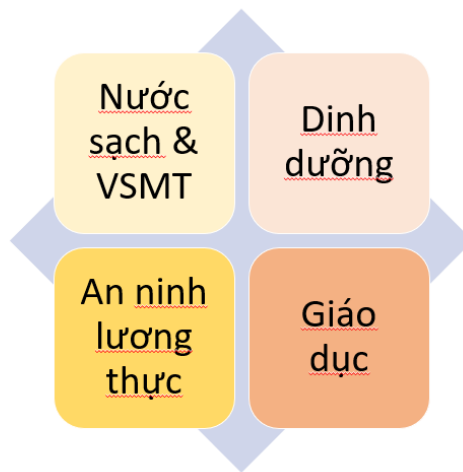
Việc lòng ghép BVTE vào các lĩnh vực khác giúp đảm bảo trẻ em được hỗ trợ kịp thời, toàn diện và hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, xâm hại, đồng thời nâng cao an toàn và phúc lợi cho trẻ. Người làm công tác BVTE cần phối hợp với cán bộ các ngành để đảm bảo mọi chương trình, dịch vụ liên quan đến trẻ em đều an toàn và thân thiện với trẻ.

Lồng ghép BVTE cần được thực hiện phù hợp với từng loại hình dịch vụ, năng lực của các bên liên quan và mức độ ưu tiên. Thành công của quá trình này bắt đầu bằng việc xây dựng các kế hoạch liên ngành và của từng ngành, và trong đó BVTE phải là nội dung trọng tâm.

UBND xã và người làm công tác BVTE, cần xác định các lĩnh vực hợp tác như y tế, giáo dục, nước sạch và VSMT, đồng thời thúc đẩy phối hợp liên ngành, tận dụng chuyên môn để nâng cao chất lượng dịch vụ BVTE. Người làm công tác BVTE nên tham dự vào các cuộc họp liên ngành để cùng xác định nội dung và phương pháp lồng ghép phù hợp, ưu tiên cải thiện các điều kiện an toàn và an ninh cho trẻ em yếu thế, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Người làm công tác BVTE cũng cần duy trì liên lạc với các nhóm liên ngành để cập nhật tình hình về trẻ em, theo dõi, đánh giá về hiệu quả trong quá trình kết nối và phối hợp cung cấp dịch vụ.

Dưới đây là một số hình thức lồng ghép BVTE với các lĩnh vực liên quan:

Lĩnh vực lồng ghép BVTE



a) BVTE với các chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường

Trẻ em cần được bảo vệ an toàn khi tiếp cận tới nước sạch và VSMT, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai, nhằm giảm thiểu nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, bóc lột về thể chất và tình dục.

Các chương trình nước sạch và VSMT cần cân nhắc đến thể trạng, độ tuổi và an toàn của trẻ. Ví dụ thùng chứa nước phải đảm bảo có kích thước phù hợp với độ tuổi của trẻ em; điểm lấy nước không nên quá xa để tránh lao động trẻ em và ảnh hưởng học tập. Trẻ dưới 14 tuổi không nên phải đi lấy nước nhiều lần trong ngày hoặc ở khu vực xa. Cần tham khảo ý kiến của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, để thiết kế thời gian phân phối nước hợp lý, tránh cho họ đi lại khi trời tối.

Khi thiết kế nhà vệ sinh ở những nơi sơ tán, cần tránh cabin tối, hở sâu nguy hiểm; bố trí ở những vị trí an toàn, dễ tiếp cận và dễ thấy, có đủ ánh sáng (đèn lồng, đèn pin). Nhà vệ sinh và phòng tắm cho phụ nữ và trẻ em gái cần riêng biệt, có ổ khóa bên trong và ký hiệu để nhận diện rõ ràng.

Các khu sơ tán cần tránh đặt gần hồ rác hay công trường xây dựng nếu không có rào chắn an toàn, nhằm phòng tránh bệnh tật và tai nạn cho trẻ.

Người làm công tác BVTE cần phối hợp với các cán bộ ngành nước sạch và VSMT để:

- Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ của trẻ em và gia đình, đảm bảo an toàn và phù hợp;
- Phân tích rủi ro, đặc biệt đối với trẻ em gái, trong quá trình tiếp cận đến dịch vụ;
- Đề xuất các giải pháp cung cấp nước sạch và VSMT an toàn, dễ tiếp cận cho tất cả trẻ em;
- Nâng cao nhận thức cho cha mẹ, cộng đồng về việc trẻ đi lấy nước phải phù hợp với thể trạng, giới tính và độ tuổi.

b) BVTE với chương trình dinh dưỡng cho trẻ em

Thảm họa có thể khiến các gia đình bị mất tài sản, phải sơ tán hoặc di dời, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ, đặc biệt là trẻ dưới 3 tuổi. Trẻ bị tách khỏi gia đình có nguy cơ suy dinh dưỡng cao hơn, nhất là trẻ đang bú mẹ có thể bị mất nguồn sữa mẹ.

Lĩnh vực dinh dưỡng và BVTE có nhiều cơ hội hợp tác để đảm bảo trẻ được chăm sóc và bảo vệ toàn diện. Người làm công tác BVTE và cán bộ dinh dưỡng có thể phối hợp hỗ trợ các gia đình có trẻ dưới 3 tuổi, trẻ yếu thể, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ bị bỏ rơi, bỏ mặc hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khác thông qua việc nâng cao nhận thức và hướng dẫn chăm sóc phù hợp. Cụ thể, người làm công tác BVTE có thể truyền thông về nuôi con bằng sữa mẹ, sử dụng các thực phẩm dinh dưỡng, và kết nối gia đình với các dịch vụ y tế, dinh dưỡng tại địa phương. Đồng thời, họ có thể tư vấn cho cán bộ dinh dưỡng về nhu cầu đặc thù của các nhóm trẻ dễ bị tổn thương như trẻ khuyết tật, mồ côi, bị bạo lực hoặc xâm hại. Ngược lại, cán bộ dinh dưỡng có thể phát hiện các trường hợp trẻ có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, đặc biệt là trẻ em không có người chăm sóc hoặc bị tách khỏi gia đình, và thông báo cho người làm công tác BVTE. Họ cũng có thể hướng dẫn cha mẹ cách bảo vệ trẻ và tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp. Cả hai nhóm cán bộ đều cần được tập huấn những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và BVTE, cũng như cách thức phối hợp hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp.

c) BVTE với chương trình an ninh lương thực

An ninh lương thực đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe, sự an toàn và hạnh phúc của trẻ em, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai và BDKH. Thiếu hụt lương thực có thể làm gia tăng nguy cơ trẻ bị bỏ rơi, bỏ mặc, tảo hôn và lao động sớm và các hình thức xâm hại khác.

Người làm công tác BVTE cần phối hợp chặt chẽ với cán bộ của chương trình an ninh lương thực để:

- Xác định các hộ gia đình có nguy cơ mất an ninh lương thực, đồng thời phân tích tác động tiêu cực đến trẻ em như bạo lực, xâm hại, bỏ rơi, bỏ mặc, lao động trẻ em, mua bán trẻ em v.v.
- Ưu tiên hỗ trợ lương thực cho nhóm trẻ em dễ bị tổn thương, đảm bảo đúng đối tượng, đúng nhu cầu và sử dụng hiệu quả nguồn lực để trẻ được sống khỏe mạnh và an toàn.
- Giám sát việc sử dụng lương thực, đảm bảo mục tiêu kép: BVTE (không có trẻ bị bỏ rơi, bỏ mặc, lao động sớm, bị buôn bán...) và đảm bảo dinh dưỡng (trẻ có đủ khẩu phần ăn, không bị suy dinh dưỡng, phát triển thể chất khỏe mạnh).

d) BVTE với giáo dục

Trong thiên tai, trẻ em có nguy cơ cao bị bạo lực, xâm hại. Trường học đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, thông báo và phối hợp xử lý các trường hợp học sinh có nguy cơ hoặc đã bị xâm hại, theo đúng quy định pháp luật.

Dù cơ sở vật chất có thể bị ảnh hưởng, nhà trường vẫn cần duy trì vai trò trong công tác BVTE. Nhà trường cần liên tục nhắc nhở học sinh, cán bộ, giáo viên và cha mẹ cách về cách nhận biết các dấu hiệu bạo lực, xâm hại; các nguy cơ liên quan đến bạo lực, xâm hại; và khuyến khích báo cáo kịp thời cho nhà trường hoặc người làm công tác BVTE xã.

Nhà trường cần tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, giáo viên về những kỹ năng cơ bản về BVTE, bao gồm sơ cấp cứu cho học sinh bị thương, hỗ trợ tâm lý khẩn cấp, khả năng kết nối, tìm kiếm sự trợ giúp khi học sinh ở trong tình trạng mất an toàn. Nhà trường cũng cần hướng dẫn cho học sinh các kỹ năng tự bảo vệ bản thân khỏi các hình thức bạo lực, xâm hại ở các khu sơ tán hoặc trong cộng đồng.

Để ứng phó hiệu quả, nhà trường cần cử cán bộ/giáo viên làm đầu mối chịu trách nhiệm tiếp nhận những thông báo liên quan đến bạo lực, xâm hại học sinh và thực hiện những biện pháp hỗ trợ khẩn cấp về an toàn, chăm sóc thể chất và tinh thần, nếu cần thiết. Cán bộ/giáo viên đầu mối của nhà trường cần tham gia với Ban điều hành/ban BVTE xã để hỗ trợ, can thiệp các trường hợp học sinh bị hoặc có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại. Nhiệm vụ ứng phó của cán bộ/giáo viên đầu mối như sau:

- Tiếp nhận và đánh giá sơ bộ các trường hợp học sinh bị/xuất hiện nguy cơ bị bạo lực, xâm hại;
- Kết nối đến người làm công tác BVTE và cơ quan có thẩm quyền để chuyển gửi những trường hợp cần can thiệp;
- Tham gia vào quy trình hỗ trợ, can thiệp do Ban điều hành/ban BVTE xã chủ trì;
- Phối hợp với cán bộ, giáo viên và cha mẹ theo dõi học sinh và báo cáo tiến triển cho Ban điều hành/ban BVTE xã.
- Hỗ trợ học sinh phục hồi, quay lại trường học và hòa nhập.

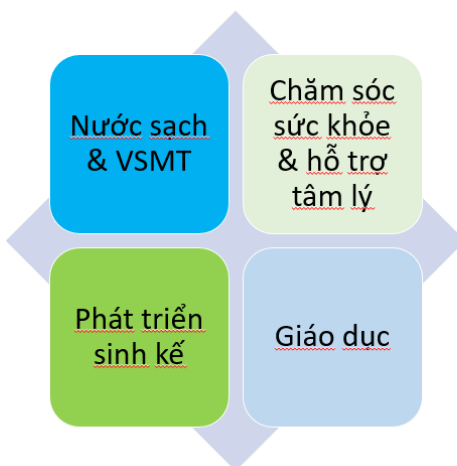
III. Bảo vệ trẻ em với khắc phục hậu quả sau thiên tai thảm họa

Khắc phục hậu quả sau thiên tai thảm họa là quá trình ổn định và tái thiết cuộc sống, môi trường sau những thiệt hại do thiên tai gây ra. Trong tài liệu này, công tác khắc phục hậu quả được lồng ghép với các nỗ lực phục hồi khác, tập trung vào trẻ em nhằm tăng cường công tác BVTE một cách bền vững. Phục hồi hiệu quả cho trẻ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro hiện tại mà còn là nền tảng phòng ngừa và ứng phó tốt hơn trong tương lai.

1. Lồng ghép BVTE trong các chương trình phục hồi

Việc lồng ghép BVTE vào các chương trình phục hồi giúp tăng tính bền vững và đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ. Việc này cần phải được thực hiện ngay từ giai đoạn lập kế hoạch. Một số lĩnh vực ưu tiên gồm:

Lĩnh vực lồng ghép BVTE



a) BVTE với nước sạch và VSMT

Sau thiên tai, tình trạng thiếu nước sạch và ô nhiễm môi trường gia tăng. Việc nhà cửa, công trình vệ sinh bị phá hỏng khiến người dân phóng uế bừa bãi, nước thải, rác thải, bùn phân chưa được xử lý là một mối hiểm họa nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Trẻ em, đặc biệt nhóm trẻ nhỏ tuổi, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm như tiêu chảy, viêm phổi, nhiễm ký sinh trùng, giun sán và suy dinh dưỡng.

- Người làm công tác BVTE cần phối hợp với cán bộ nước sạch và VSMT để: Hướng dẫn các gia đình, đặc biệt có trẻ em yếu thế, xử lý nước thải và lưu trữ nước an toàn;
- Nâng cao nhận thức về vệ sinh cá nhân, đặc biệt là rửa tay bằng xà phòng, thông qua hoạt động tại trường học và cộng đồng.
- Đảm bảo chương trình cung cấp nước sạch gắn với an toàn cho trẻ: trẻ không bị ảnh hưởng sức khỏe, học tập khi đi lấy nước và được tham gia vào tiến trình lập kế hoạch phân phối nước.
- Ưu tiên khôi phục công trình cung cấp nước sạch gần nơi trẻ sinh sống, đặc biệt cho trẻ yếu thế.
- Hướng dẫn xử lý rác thải, nước thải, không phóng uế bừa bãi; khuyến khích sử dụng nhà vệ sinh không phát thải rỗng, thu gom nước mưa, sử dụng năng lượng mặt trời, đặc biệt với nhóm dân cư nghèo, dễ bị tổn thương.

b) BVTE với chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ tâm lý

Người làm công tác BVTE cần phối hợp với cán bộ y tế để cung cấp các dịch vụ chăm sóc khỏe toàn diện cho trẻ, đặc biệt nhóm trẻ yếu thế. Các hoạt động gồm:

- Phát hiện dấu hiệu trẻ bị bạo lực, xâm hại trong quá trình khám chữa bệnh; thông báo cho người làm công tác BVTE; hướng dẫn cha mẹ/người chăm sóc cách phòng ngừa, và báo cáo.
- Hướng dẫn phòng ngừa và xử lý các bệnh lây nhiễm, phục hồi chức năng cho những trẻ bị tai nạn thương tích, khuyết tật.
- Tổ chức khám sàng lọc tại nhà trường hoặc cộng đồng để phát hiện trẻ bị bạo lực, xâm hại; mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng; hướng dẫn chăm sóc và kết nối điều trị nếu cần.

- Tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần (SKTT) dựa vào cộng đồng, lồng ghép với các dịch vụ an sinh xã hội để hỗ trợ phục hồi về thể chất và tinh thần cho trẻ và gia đình.
- Theo dõi, đánh giá các trường hợp trẻ có dấu hiệu bị tổn thương tâm lý hoặc có vấn đề về SKTT, và cung cấp các dịch vụ chăm sóc SKTT theo 4 cấp độ:
 - i) Phòng ngừa: nâng cao nhận thức về các nguy cơ về SKTT & tâm lý liên quan đến thiên tai & BDKH, hướng dẫn các kỹ năng kiểm soát cảm xúc và hành vi;
 - ii) Hỗ trợ phục hồi sau thiên tai;
 - iii) Tư vấn & hỗ trợ tâm lý tại cộng đồng; và
 - iv) Kết nối chuyên tuyến điều trị chuyên sâu cho trẻ có vấn đề nghiêm trọng.

c) BVTE với giáo dục

Mọi trẻ em đều có quyền tiếp cận nền giáo dục toàn diện, chất lượng và an toàn. Giáo dục và BVTE có mối liên hệ chặt chẽ: trẻ không được đến trường dễ đối mặt với nguy cơ xâm hại, bóc lột, lao động sớm, tảo hôn, bị mua bán; ngược lại, nếu không được bảo vệ, trẻ khó tiếp tục đến trường hoặc đạt kết quả tốt. Tăng cường phối hợp giữa giáo dục và BVTE giúp đảm bảo an toàn, hỗ trợ tâm lý và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ.

Người làm công tác BVTE cần phối hợp với nhà trường để:

- Phát hiện và thông báo kịp thời các trường hợp trẻ bị hoặc có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại.
- Đánh giá các rào cản khiến trẻ không thể quay lại trường sau thiên tai (bạo lực, xâm hại, thể chất, tinh thần, giao tiếp xã hội, kinh tế và vấn đề an toàn trên đường đến trường và xung quanh trường học...)
- Hỗ trợ trẻ vượt qua khủng hoảng về tâm lý, phục hồi sức khỏe, và các vấn đề cản trở khác để đưa trẻ trở lại trường học.
- Tổ chức dạy phụ đạo, điều chỉnh lịch học, thời khóa biểu, cung cấp tài liệu học tập miễn phí, theo dõi việc chuyên cần của trẻ và phối hợp xử lý các rào cản.
- Cải thiện môi trường học đường đảm bảo an toàn: nhà vệ sinh phù hợp cho nam và nữ, an toàn xung quanh trường học (biện pháp phòng chống nguy cơ bị bắt nạt khi ra khỏi trường học), và an toàn trên đường đi học (biện pháp hỗ trợ trẻ ở những đoạn đường nguy hiểm, vắng vẻ dễ bị xâm hại).
- Linh hoạt trong thủ tục nhập học. Ví dụ, tạm hoãn yêu cầu nộp giấy khai sinh hoặc một số giấy tờ cần thiết nếu bị mất do thiên tai) và hỗ trợ gia đình làm lại giấy tờ cần thiết.

Ngoài ra Ban điều hành/ban BVTE xã cũng cần hỗ trợ nhà trường phục hồi môi trường học tập và duy trì mô hình “trường học xanh, sạch, đẹp” thông qua:

- Phát động học sinh tham gia vệ sinh trường lớp sau thiên tai;
- Tích hợp nội dung về phòng ngừa và ứng phó với thiên tai và BDKH vào các chương trình ngoại khóa;
- Tích hợp mô hình trường học xanh vào chương trình giảng dạy;
- Khuyến khích học sinh, giáo viên tham gia quản lý năng lượng, tiết kiệm điện, trồng cây và thực hành hành vi thân thiện với môi trường.

d) BVTE với phát triển sinh kế

Sinh kế là một yếu tố then chốt trong phục hồi kinh tế sau thiên tai, giúp gia đình đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Thiên tai thảm họa thường tác động tiêu cực đến sinh kế do tài sản, mùa màng bị phá hủy, làm trầm trọng thêm những khó khăn đã tồn tại trước đó như thiếu việc làm, thiếu kỹ năng sản xuất. Khi sinh kế bị ảnh hưởng, trẻ em dễ đối mặt với nguy cơ bị bạo lực, xâm hại, tảo hôn, mua bán và lao động sớm. Do đó các chương trình sinh kế cần được lồng ghép với BVTE.

Một số giải pháp chính:

Chương trình cho vay vốn để phát triển sinh kế: Kết hợp với công tác BVTE, để giảm các nguy cơ trẻ bị bạo lực, xâm hại, lao động sớm, mua bán, tảo hôn, bởi vì phát triển kinh tế sẽ đi đôi với những cơ hội trẻ em được tiếp cận đến các dịch vụ chăm sóc có chất lượng, giáo dục và an toàn. Cần kết hợp việc cho vay vốn với các dịch vụ dành cho trẻ em như một điều kiện và theo dõi chặt chẽ tác động của việc cho vay vốn đối với an toàn và hạnh phúc của trẻ em.

Trợ cấp bằng tiền mặt là công cụ cốt lõi của hệ thống bảo trợ xã hội, giúp các gia đình tiếp tục đầu tư cho trẻ, ngăn ngừa tình trạng trẻ em bỏ học, phòng ngừa các nguy cơ bị bạo lực và xâm hại. Trợ cấp tiền mặt bao gồm cả trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất ngay sau khi xảy ra thiên tai. Người làm công tác BVTE cần đảm bảo các hộ gia đình có trẻ dễ bị tổn thương được tiếp cận, hỗ trợ làm thủ tục và theo dõi tác động đến việc học tập, chăm sóc và bảo vệ trẻ..

Hướng nghiệp và giới thiệu việc làm: dành cho người chăm sóc hoặc trẻ vị thành niên (phù hợp với pháp luật). Chương trình này cần đảm bảo môi trường làm việc an toàn, không bóc lột. Người làm công tác BVTE cần: Đánh giá các rào cản tiếp cận đến cơ hội việc làm (an toàn, giới, khuyết tật, thành phần hộ gia đình, v.v.); Phối hợp phân tích thị trường lao động để xác định cơ hội phù hợp; Khuyến khích phát triển cơ sở chăm sóc trẻ tại cộng đồng để người chăm sóc có thể tham gia lao động; Tổ chức đào tạo kỹ năng sống (quản lý tài chính, tiết kiệm, tính toán...) cho người chăm sóc và trẻ vị thành niên.

2. Tăng cường vai trò của cha mẹ trong giai đoạn phục hồi

Cha mẹ đóng vai trò then chốt trong bảo vệ và chăm sóc trẻ em, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi sau thiên tai. Họ không chỉ là người bảo vệ mà còn là người hỗ trợ SKTT và tâm lý xã hội cho trẻ. Người làm công tác BVTE cần hỗ trợ cha mẹ thực hiện tốt các vai trò sau:

a) Vai trò của cha mẹ trong bảo vệ trẻ em

- **Giữ vệ sinh môi trường sống:** Làm sạch nhà cửa và khu vực xung quanh, khử trùng đồ chơi, quần áo; loại bỏ vật dụng bị ô nhiễm nặng.
- **Phòng bệnh sau thiên tai:** Hướng dẫn trẻ giữ vệ sinh cá nhân và tránh xa nguồn nước bẩn, bùn rác; đưa trẻ đi khám ngay nếu thấy dấu hiệu bất thường về sức khỏe.
- **Đảm bảo vệ sinh ăn uống:** Đảm bảo nước sinh hoạt an toàn, cho trẻ uống nước đun sôi, sử dụng nước sạch để chế biến và vệ sinh dụng cụ ăn uống.
- **Phát hiện và báo cáo xâm hại:** Theo dõi các dấu hiệu nghi vấn về xâm hại, bạo lực, bóc lột trẻ; kịp thời bảo vệ trẻ và thông báo cho người làm công tác BVTE để can thiệp, xử lý.

b) Vai trò của cha mẹ trong chăm sóc sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội cho trẻ em

Cha mẹ cần có kiến thức nhận biết các dấu hiệu trẻ có vấn đề về SKTT và tâm lý, cần phân biệt được tình trạng sức khỏe tinh thần của trẻ tốt và không tốt là như thế nào và có vai trò rất quan trọng trong quá trình hỗ trợ giúp trẻ phục hồi.

Dấu hiệu trẻ có tình trạng SKTT và tâm lý tốt²⁴

- Biết yêu thương chính mình kể cả trong thời gian khó khăn hoặc khi mọi thứ không diễn ra theo cách trẻ mong đợi.
- Yêu thích cuộc sống, học tập và làm việc tốt.
- Hòa thuận với gia đình và bạn bè.
- Biết cách quản lý cảm xúc buồn, lo lắng hoặc tức giận.
- Có thể hồi phục trở lại sau khoảng thời gian khó khăn để chuẩn bị thử những điều mới hoặc thử thách mới.

Dấu hiệu trẻ có vấn đề về SKTT và tâm lý:

- Trẻ ít tiếp xúc mắt, thờ ơ, ít phản hồi khi gọi tên.
- Không thích chơi với người khác, thích chơi một mình.
- Các kỹ năng có được trước đây bị mất, trẻ không thể nói hoặc thực hiện những kỹ năng đó.
- Giảm tập trung chú ý; hay mơ màng khi ngồi học.
- Quá nhiều năng lượng, hoạt động không ngừng nghỉ, nhưng rất ẩu và bất cẩn.
- Bỏ hoặc mất sự hứng thú quan tâm với các sở thích.
- Cảm xúc thay đổi quá mạnh: dễ khóc, dễ cáu gắt, thường xuyên buồn.
- Rối loạn ăn uống, giấc ngủ.
- Kết quả học tập bị sa sút nhiều trong thời gian ngắn

Quá trình hỗ trợ SKTT và tâm lý cho trẻ đòi hỏi cha mẹ phải biết kiên nhẫn và nhẹ nhàng, không nên la mắng trẻ. Điều quan trọng là cha mẹ cần có một số phương pháp cơ bản để làm việc hiệu quả với trẻ. Dưới đây là một số phương pháp hỗ trợ SKTT và tâm lý dành cho cha mẹ:

- Khuyến khích con giải bày cảm xúc
- Dành thời gian hỗ trợ con
- Hỗ trợ con giải quyết mâu thuẫn
- Khuyến khích trẻ tạo lập các mối quan hệ tích cực²⁵
- Giúp trẻ hòa nhập môi trường xã hội
- Tìm kiếm hỗ trợ từ chuyên gia khi cần thiết

²⁴ <https://helloworld.com/nuoi-day-con/nhi-khoa/van-de-nhi-khoa-khac/cha-me-can-lam-gi-de-phong-tranh-roi-loan-tam-ly-cho-tre/>

²⁵ <https://www.vinmec.com/vie/bai-viet/xay-dung-kha-nang-phuc-hoi-tam-ly-cho-con-ban-vi>

PHẦN 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LỒNG GHÉP, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BẢO VỆ TRẺ EM TRONG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. Xây dựng kế hoạch bảo vệ trẻ em trong thiên tai và biến đổi khí hậu

Ban điều hành/Ban BVTE cần phối hợp với các tổ chức, đơn vị được phân công theo dõi, giám sát và triển khai các hoạt động PCTT do Ban chỉ huy PTDS phụ trách, nhằm xây dựng kế hoạch BVTE trong bối cảnh thiên tai và BĐKH. Kế hoạch này có thể được lồng ghép vào: i) Kế hoạch 5 năm và hằng năm về BVTE; và ii) Kế hoạch PCTT của địa phương. Vì cả hai kế hoạch này đều mang tính liên ngành, Ban điều hành/Ban BVTE cần đảm bảo các bên liên quan cùng hiểu rõ và thống nhất thực hiện theo các bước lập kế hoạch sau:

Các bước lập kế hoạch:

1. **Khảo sát, đánh giá tình hình** và nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại trong thiên tai và BĐKH
2. **Xây dựng kế hoạch lồng ghép** với sự tham gia của các ngành. Nội dung kế hoạch bao gồm
 - Xác định nhu cầu BVTE trong thiên tai và BĐKH
 - Xác định mục tiêu cụ thể để đáp ứng các nhu cầu về BVTE
 - Xác định các hoạt động chính về BVTE trong các giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và phục hồi
 - Xác định nguồn lực cần thiết (bao gồm cả nhân lực và tài chính) và thời gian thực hiện kế hoạch
3. **Phê duyệt kế hoạch và phổ biến** triển khai đến các cấp, ngành và cộng đồng

1. Khảo sát tình hình và nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại trong thiên tai và BĐKH

Mục đích của khảo sát là để xác định được tình hình và nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại. Ban điều hành/Ban BVTE cần phối hợp với Ban chỉ huy PTDS để thực hiện khảo sát liên ngành về tình hình thiên tai và BĐKH, trong đó tập trung vào tác động đối với trẻ em và nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

Việc thu thập dữ liệu có thể thông qua nhiều phương pháp khác nhau tùy thuộc vào giai đoạn của tình trạng khẩn cấp:

Khảo sát nhanh: Áp dụng trong giai đoạn đầu để thu thập thông tin cơ bản phục vụ theo dõi tình hình BVTE; và lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp. (*Xem thêm nội dung tại Phần 3. II*).

Đánh giá toàn diện: Thực hiện khi có điều kiện để thu thập thông tin chi tiết phục vụ xây dựng kế hoạch dài hạn. Phương pháp và công cụ đánh giá cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh; đảm bảo phản ánh đúng nhu cầu cụ thể của trẻ em và gia đình. Khuyến khích sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia.

Trước khi tiến hành khảo sát thực địa, cần rà soát dữ liệu thứ cấp để:

- Xác định các rủi ro và nguyên nhân gốc rễ;
- Phát hiện khoảng trống thông tin;
- Đánh giá mức độ cần thiết của khảo sát thực địa và lựa chọn phương pháp phù hợp.

Trong toàn bộ quá trình khảo sát, người làm công tác BVTE cần chủ động tham gia và đóng góp ý kiến chuyên môn, bao gồm: Đề xuất bổ sung các câu hỏi liên quan đến BVTE vào kế hoạch khảo sát liên ngành; Phân tích và xác định loại dữ liệu nào là cần thu thập; Xác định phương pháp và người thực hiện thu thập thông tin về trẻ em v.v.

Các thông tin BVTE cần thu thập có thể bao gồm: Tác động của thiên tai và BDKH đến trẻ em; Tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em trong thiên tai và BDKH; Trẻ em không có người chăm sóc, bị tách khỏi gia đình, hoặc sống trong hộ do trẻ em làm chủ; Các biện pháp ứng phó dành cho trẻ em; Các vấn đề liên quan đến thực phẩm, nước sạch và vệ sinh môi trường ảnh hưởng đến trẻ em v.v.

Cuối cùng, cần đảm bảo dữ liệu liên quan đến trẻ em và BVTE được bóc tách riêng trong báo cáo khảo sát. Đồng thời, lưu ý đến tính nhạy cảm và yêu cầu bảo mật thông tin khi chia sẻ dữ liệu liên quan đến trẻ em.

2. Xây dựng kế hoạch lồng ghép

2.1 Xác định nhu cầu bảo vệ trẻ em

Dựa trên kết quả Khảo sát, người làm công tác BVTE cần phân tích những tổn thương và nguy cơ trẻ gặp phải do thiên tai và BDKH, từ đó xác định được các nhu cầu cần được đáp ứng. Việc xác định nhu cầu nên dựa trên các dạng tổn thương như thể chất, tinh thần, tình cảm, nhận thức, và xã hội...

Một số nhóm nhu cầu cơ bản bao gồm:

Chăm sóc thể chất: y tế, dinh dưỡng, thực phẩm, nước sạch, VSMT, vệ sinh cá nhân và an toàn tính mạng.

Bảo vệ khỏi bị bạo lực, xâm hại: bảo vệ khỏi bị lao động nặng nhọc; xâm hại tình dục; mua bán người, bạo lực v.v.

Chăm sóc tâm lý, tình cảm: Hỗ trợ trẻ bị căng thẳng, hoảng loạn, sợ hãi hoặc mất mát người thân. Đảm bảo có người chăm sóc bên cạnh; can thiệp chuyên sâu nếu cần.

Chăm sóc thay thế: Áp dụng cho trẻ em mồ côi hoặc không có người chăm sóc. Ưu tiên chăm sóc bởi gia đình, chăm sóc tập trung tại trung tâm chỉ là giải pháp cuối cùng.

Giáo dục: Duy trì học tập, vui chơi, giao tiếp xã hội để ổn định tâm lý; trường học là môi trường an toàn trong bối cảnh gia đình bị ảnh hưởng.

Nhu cầu của trẻ cần được phân tích dựa trên yếu tố về độ tuổi, giới tính, văn hóa, mức độ nhận thức và mức độ tổn thương, cụ thể theo từng loại thiên tai và BDKH

2.2 Xác định mục tiêu

Do nội dung BVTE trong thiên tai và BDKH được lồng ghép vào Kế hoạch BVTE và Kế hoạch PCTT của địa phương, không cần xây dựng có mục tiêu tổng quát riêng, nhưng cần xác định các mục tiêu cụ thể phù hợp với từng kế hoạch.

Trong Kế hoạch PCTT, các mục tiêu cụ thể về BVTE cần hỗ trợ đạt được mục tiêu chung về PCTT. Tương tự như vậy, các mục tiêu cụ thể trong Kế hoạch BVTE cần hướng đến đạt được mục tiêu chung về phòng, chống xâm hại trẻ em.

Mục tiêu phải cụ thể, đo lường được, phản ánh đúng nhu cầu đã được xác định. Ví dụ, nếu trẻ cần nơi an toàn, mục tiêu sẽ là ‘Trẻ được sơ tán đến nơi an toàn có điện, nước sạch và vệ sinh...’; nếu trẻ cần hỗ trợ tâm lý, thì mục tiêu sẽ là ‘Trẻ được phục hồi tâm lý lý thông qua tư vấn và trị liệu’.

Đi kèm với Mục tiêu cần xây dựng một các bộ chỉ số nhằm cung cấp công cụ cho giám sát và đánh giá kết quả đạt. Dưới đây là một số ví dụ về chỉ số BVTE:

trẻ em được sơ tán, di dời an toàn

trẻ em được chăm sóc tâm lý và SKTT

trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại được đưa vào quản lý trường hợp

trẻ em có được kiến thức và kỹ năng tự bảo vệ bản thân trong thiên tai và BDKH

% hộ gia đình có trẻ em được trang bị kiến thức BVTE trong thiên tai và BDKH

2.3 Xác định các hoạt động về BVTE

Các hoạt động cần được xác định dựa trên các mục tiêu đã đề ra, thực tiễn địa phương, nguồn lực sẵn có và chính sách hỗ trợ hiện hành. Các hoạt động này cũng được lồng ghép trong Kế hoạch BVTE và Kế hoạch phòng chống thiên tai, tập trung vào ba giai đoạn:

Phòng ngừa

- Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến kiến thức về những rủi ro của thiên tai và BDKH đến trẻ em và cách phối hợp, ứng phó của gia đình, cộng đồng, nhà trường và các ban ngành về BVTE; lồng ghép các kiến thức về PCTT vào các chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa trong trường học để tăng cường nhận thức và kỹ năng của trẻ em trong việc phòng, chống thiên tai.

- Phát động các phòng trào, dự án ‘Xanh’ trong cộng đồng dân cư và trường học có sự tham gia của trẻ em vào bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng, tiết kiệm điện, nước ...

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, gia đình và trẻ em vào việc chuẩn bị cho những trường hợp khẩn cấp do thiên tai gây ra

- Tổ chức diễn tập PCTT và tìm kiếm cứu nạn có các tình huống về BVTE ở cấp xã sát với tình hình thực tế của địa phương nhằm nâng cao năng lực cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ PCTT và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

- Xây dựng, củng cố các cơ sở ở tại cộng đồng như bệnh xá, trường học, nhà văn hóa, trụ sở UBND xã... để kết hợp làm nơi trú ẩn khi có thiên tai thảm họa. Các cơ sở này cần đảm bảo các điều kiện để cho trẻ em trú ẩn như ánh sáng, nhà vệ sinh, nước sạch, phương tiện sơ cấp cứu v.v.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban điều hành/ban BVTE và Ban CHPTDS trong các hoạt động thu thập thông tin dữ liệu, tổ chức các hoạt động về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả và tăng cường năng lực.

Ứng phó

- Cảnh báo sớm đến các hộ gia đình có trẻ em, kèm hướng dẫn BVTE.

- Khảo sát nhanh để xác định tổn hại và nhu cầu của trẻ.
- Hỗ trợ khẩn cấp: tìm kiếm trẻ thất lạc, sơ cứu, cung cấp nhu yếu phẩm.
- Chuẩn bị và hướng dẫn sơ tán an toàn cho trẻ.
- Phát hiện và xử lý nguy cơ bạo lực, xâm hại tại nơi sơ tán.
- Quản lý trường hợp trẻ có nguy cơ/xâm hại.
- Hỗ trợ tâm lý, chăm sóc thay thế, hướng dẫn cha mẹ chăm sóc trẻ.

Khắc phục hậu quả

- Rà soát, thực hiện chính sách hỗ trợ xã hội cho trẻ và gia đình.
- Ưu tiên tái định cư an toàn cho gia đình có trẻ em.
- Hỗ trợ tâm lý, kết nối dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần.
- Hỗ trợ pháp lý và phục hồi cho trẻ bị xâm hại.
- Lồng ghép BVTE vào các chương trình phục hồi: nước sạch, y tế, giáo dục, sinh kế, đào tạo nghề.

2.4 Xác định nguồn lực và thời gian

Người làm công tác BVTE cần xác định rõ:

- Ai thực hiện? Ai phối hợp?
- Chi phí bao nhiêu? Nguồn từ đâu?
- Thời gian thực hiện?

Cần phân tích kỹ nguồn lực hiện có, tham mưu lồng ghép nội dung BVTE vào Kế hoạch PCTT để tận dụng ngân sách phòng chống thiên tai. Đồng thời, vận dụng các chính sách hỗ trợ hiện hành như:

- Trợ cấp khẩn cấp, trợ cấp thường xuyên;
- Miễn phí y tế cho trẻ dưới 6 tuổi;
- Hỗ trợ giáo dục, đào tạo nghề cho thanh thiếu niên.

Ngoài ra, cần linh hoạt huy động nguồn lực từ trẻ, gia đình và cộng đồng. Việc lựa chọn cán bộ thực hiện cần dựa trên:

- Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về BVTE;
- Cam kết phối hợp, chia sẻ thông tin và bảo mật thông tin trẻ em.

3. Phê duyệt kế hoạch và phổ biến kế hoạch

Người làm công tác BVTE sẽ cung cấp những thông tin, giấy tờ cần thiết để hỗ trợ trưởng Ban điều hành/ban BVTE và Ban CHPTDS ra quyết định phê duyệt kế hoạch có nội dung về BVTE trong thiên tai và BDKH. Các thông tin, văn bản cần thiết bao gồm báo cáo khảo sát tình hình,

phân tích về nhu cầu của trẻ em và gia đình, xác minh của y tế về tình trạng tổn thương của trẻ, xác minh của công an, y tế và các ban ngành khác về nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại v.v.

Sau khi trưởng ban phê duyệt Kế hoạch có nội dung về BVTE trong thiên tai và BDKH, người làm công tác BVTE sẽ gửi Quyết định và Kế hoạch đến cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch.

II. Giám sát và đánh giá công tác bảo vệ trẻ em trong Kế hoạch BVTE và Kế hoạch phòng, chống thiên tai

Giám sát và đánh giá là một hợp phần thiết yếu để xác định xem các hoạt động BVTE trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả của thiên tai và BDKH có đạt được kết quả mong muốn hay không. Nó giúp đảm bảo được chất lượng của các dịch vụ và tăng cường tác động của các dịch vụ đến công tác BVTE. Nó cũng giúp chúng ta học hỏi từ những sai lầm trong quá khứ và đảm bảo không lặp lại chúng trong tương lai.

Giám sát và đánh giá đều phải dựa vào các kế hoạch đã được xây dựng trước đó. Giám sát được tiến hành liên tục trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch nhằm thúc đẩy các hoạt động được thực hiện theo tiến độ và phát hiện những khó khăn, vướng mắc để giải quyết kịp thời. Đánh giá được thực hiện sau khi kết thúc các hoạt động để xem mục tiêu của kế hoạch có đạt được không và nhu cầu của trẻ em có được giải quyết phù hợp hay không.

Hoạt động giám sát và đánh giá sẽ được thực hiện bởi cả Ban điều hành/ban BVTE và BCHPTDS. Người làm công tác BVTE có trách nhiệm phối hợp với các thành viên của cả 2 Ban để giúp cho trưởng ban thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát và đánh giá.

1. Giám sát

Nội dung giám sát: Người làm công tác BVTE sẽ phối hợp với thành viên của Ban điều hành/ban BVTE và Ban CHPTDS để giám sát các nội dung sau:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động về BVTE trong thiên tai và BDKH theo thời gian đã đề ra;
- Việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu theo nhu cầu của trẻ như bảo vệ an toàn, chăm sóc y tế, chăm sóc tâm lý, chăm sóc thay thế trong trường hợp khẩn cấp và các dịch vụ khác;
- Mức độ cải thiện về tình trạng của trẻ trong quá trình can thiệp, như tình trạng an toàn, tình trạng thể chất, tình trạng tâm lý;
- Hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng về BVTE trong thiên tai và BDKH (số buổi truyền thông, số người được tiếp cận thông tin, tỷ lệ trẻ em/cha mẹ áp dụng kiến thức sau truyền thông)
- Sự phối hợp của những người cung cấp dịch vụ và sự hợp tác của trẻ, gia đình;
- Những khó khăn, thuận lợi khi triển khai hoạt động BVTE trong thiên tai và BDKH.

Các hoạt động giám sát: được thực hiện ở cả cấp tỉnh và xã bằng nhiều hình thức như họp giao ban định kỳ, giám sát thực địa, và thông qua báo cáo:

- Họp giao ban định kỳ được thực hiện bởi Ban điều hành/ban BVTE cấp tỉnh và cấp xã và BCHPTDS. Họp giao ban định kỳ là hoạt động mang tính chất liên ngành được UBND tỉnh/xã chủ trì. Tại đây các ngành có cơ hội báo cáo, chia sẻ thông tin để trưởng ban nắm bắt tình hình và có những chỉ đạo cũng như hỗ trợ kịp thời cho công tác BVTE, đặc biệt là công tác hỗ trợ, can thiệp những trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo hành và có nguy cơ trong thiên tai thảm họa.

- Giám sát thực địa có thể được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết (ví dụ như có thiên tai). Giám sát thực địa có thể được thực hiện theo ngành, ví dụ, Sở Y tế thực hiện giám sát đối với các cơ sở khám chữa bệnh ở tại địa phương. Giám sát thực địa cũng có thể được thực hiện liên ngành, ví dụ, UBND tỉnh hay Sở Y tế tổ chức một đoàn giám sát có các thành viên đến từ giáo dục, y tế, công an đi giám sát hoạt động tại một xã. Thời gian giám sát thực địa có thể được thực hiện như sau:

- ✓ Ban BVTE xã thực hiện giám sát thường xuyên các hoạt động, tình hình, thực trạng BVTE tại cấp xã
- ✓ Ban điều hành BVTE cấp tỉnh cử đại diện đi giám sát hoạt động và tham gia họp giao ban 6 tháng 1 lần tại mỗi một xã trong tỉnh

- Báo cáo có thể thực hiện trong quá trình triển khai Kế hoạch gọi là báo cáo tiến độ và báo cáo khi kết thúc Kế hoạch gọi là báo cáo tổng kết hoặc báo cáo kết thúc. Thời hạn báo cáo tiến độ sẽ do Ban điều hành/ban BVTE và Ban PCTT quy định cụ thể. Người làm công tác BVTE sẽ chủ động lấy thông tin, kết quả từ các thành viên của Ban điều hành/Ban BVTE và Ban PCTT để tổng hợp báo cáo và/hoặc lấy thông tin từ quan sát thực tế trong quá trình thực hiện các hoạt động. Báo cáo ở cấp xã sẽ được tổng hợp và gửi lên cấp tỉnh theo thời hạn giữa năm, cuối năm và kết thúc Kế hoạch hoặc do Ban điều hành BVTE và Ban PCTT quy định cụ thể.

2. Đánh giá kết thúc Kế hoạch BVTE, Kế hoạch phòng chống thiên tai

Đánh giá được thực hiện sau khi kết thúc các hoạt động đã đề ra trong Kế hoạch BVTE hoặc Kế hoạch phòng chống thiên tai. Đây là một quá trình xem xét các nỗ lực của chương trình và đánh giá mức độ hiệu quả, hiệu suất, tính phù hợp và khả năng bền vững của những hoạt động BVTE. Người thực hiện đánh giá có thể là người làm công tác BVTE và phối hợp với các cán bộ thuộc các lĩnh vực liên quan và/hoặc kết hợp với chuyên gia độc lập khác.

Bởi vì hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH là một hợp phần của Kế hoạch BVTE và Kế hoạch phòng, chống thiên tai, nên nó cũng là một phần đánh giá của hai Kế hoạch này. Người làm công tác BVTE sẽ tham gia cùng với các thành viên của Ban điều hành/ban BVTE và Ban PCTT để thực hiện tiến trình đánh giá sau đây:

- *Tham gia xây dựng kế hoạch đánh giá* nêu rõ mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá đối với hợp phần BVTE trong BDKH và thiên tai. Kế hoạch đánh giá cũng cần nêu rõ đối tượng được đánh giá [ví dụ, trẻ em, người chăm sóc, người cung cấp dịch vụ, các cán bộ liên quan] và người thực hiện đánh giá [phù hợp, có kinh nghiệm]. Các nội dung cần đánh giá có thể bao gồm:
 - Đánh giá việc đạt được mục tiêu hay tác động của các hoạt động về BVTE trong thiên tai và BDKH
 - Đánh giá tính bền vững hay khả năng duy trì tiếp tục các hoạt động BVTE sau khi kết thúc các hoạt động hỗ trợ
 - Đánh giá hiệu quả, hiệu suất của hoạt động ứng phó đã được thực hiện
 - Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai của Ban điều hành/ban BVTE và Ban PCTT đối với hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH
 - Các vấn đề còn tồn tại trong công tác BVTE sau khi các hoạt động hỗ trợ kết thúc và bài học rút kinh nghiệm

Lưu ý: Trong kế hoạch đánh giá, người làm công tác BVTE sẽ sử dụng các chỉ số đã nêu ở trong Kế hoạch hoạt động đo lường mức độ đạt được mục tiêu mà Kế hoạch đã đề ra.

- *Tham gia xây dựng công cụ đánh giá* bao gồm các bảng biểu và câu hỏi phỏng vấn cho hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH. Công cụ đánh giá có thể là định lượng (ví dụ, số trẻ em được hỗ trợ, số trẻ em nhận thức được mối nguy hiểm, số người tham gia các sự kiện truyền thông v.v.) hoặc định tính (thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn để đánh giá về kiến thức, thái độ và thay đổi hành vi đối với một vấn đề cụ thể).
- *Tham gia lựa chọn người thực hiện* thu thập số liệu và hướng dẫn họ sử dụng các bộ công cụ thu thập số liệu cho hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH, do nhóm đánh giá xây dựng theo gợi ý đã đề cập trong tài liệu Người thu thập số liệu cần có kiến thức về BVTE, kinh nghiệm làm việc với trẻ, và cam kết bảo mật thông tin.
- *Tham gia phân tích thông tin* thuộc hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH, bao gồm hợp nhất dữ liệu và so sánh với các mục tiêu đã đặt ra ban đầu. Đánh giá xem các nỗ lực có thành công không, kết quả mong muốn có đạt được không.
- *Tham gia xây dựng báo cáo* cho hợp phần BVTE trong thiên tai và BDKH, dựa trên các thông tin đã thu thập được. Báo cáo cần được trưởng Ban điều hành/ban BVTE hoặc Ban PCTT phê duyệt và chia sẻ với các thành viên và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Tất cả các thông tin cần được sắp xếp và lưu lại để tham khảo trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. UN Women, 2016, Tài liệu quản lý tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới
2. UNICEF Việt Nam, Bộ Kế hoạch đầu tư, Phân tích tình hình và tác động của BĐKH đối với trẻ em tại Việt Nam
3. UNDP, 2015, Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với BĐKH
4. UNICEF Việt Nam, 2024, Đánh giá đa ngành nhu cầu phục hồi sau bão Yagi
5. ASEAN, 2024, Hướng dẫn cấp khu vực dành cho các quốc gia thành viên ASEAN về vai trò của nhân viên CTXH và lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội nói chung trong công tác giảm thiểu rủi ro thiên tai và nâng cao khả năng chống chịu trước BĐKH
6. UNICEF Việt Nam, 2012, Hướng dẫn cơ bản bảo vệ trẻ em trong trường hợp khẩn cấp
7. UNICEF EAPRO, Climate resilient child protection systems in EA&P
8. UNICEF EAPRO, Violence against children – The forgotten impact of climate change
9. UNICEF, Australian Aid & Australian Govt, 2015, Child Protection in Emergency
10. The Alliance for child protection in humanitarian action, 2019, Minimum standards for child protection in humanitarian action
11. UNHCR, 2025, Multi-cluster / sector Initial Rapid Needs Assessment (MIRA)